

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

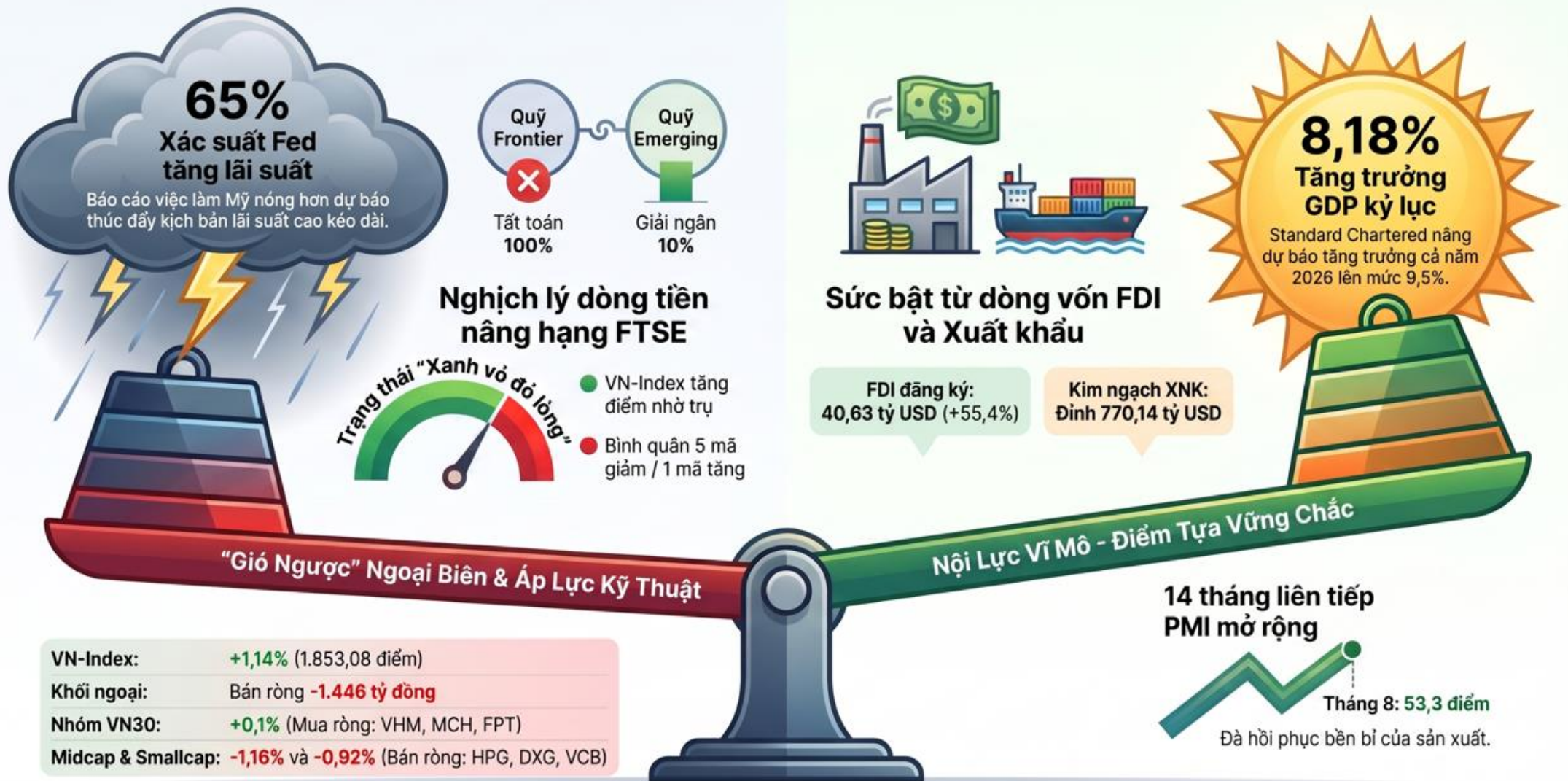
07/09/2026 – 11/09/2026

Khởi Nghiên cứu



Trụ sở CTCP Chứng khoán MB
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: +84 24 7304 5688 | Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

VN-Index Tháng 9/2026: Nội Lực Vĩ Mô Đối Đầu “Gió Ngược” Ngoại Biên



Nội lực vĩ mô đối đầu "gió ngược" ngoại biên: Kịch bản nào cho VN-Index trung tuần tháng 9?

- **Ở thị trường Mỹ:** Thị trường giảm điểm vì mối lo lãi suất cao hơn khi báo cáo việc làm tháng 8 nóng hơn dự báo của Mỹ làm gia tăng xác suất Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất trong tháng này. Chỉ số Dow Jones giảm 0,3% trong cả tuần. S&P 500 tăng 0,1% tính từ đầu tuần và Nasdaq tăng 0,4%.
- Theo báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ, khu vực phi nông nghiệp của nước này tạo được 162.000 việc làm mới trong tháng 8, vượt xa con số dự báo 53.000 công việc mới mà giới phân tích đưa ra. Tỷ lệ thất nghiệp được duy trì ở mức 4,1% như kỳ vọng. Ngoài ra, số liệu việc làm của tháng 6 và tháng 7 đều được điều chỉnh tăng so với lần công bố trước. Dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của công ty quản lý sản giao dịch CME cho thấy khả năng Fed tăng lãi suất trong cuộc họp theo dự kiến sẽ diễn ra vào ngày 15-16/9 đã tăng lên mức 65%, từ mức 55% trước khi Cục Thống kê lao động (BLS) công bố báo cáo nói trên. Cùng với đó, kỳ vọng lãi suất cao hơn lâu hơn đẩy lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 2 năm tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 1/2025, gây thêm áp lực giảm lên giá cổ phiếu.
- Tuy nhiên, Tổng thống Donald Trump đã kêu gọi Fed giảm lãi suất sau khi báo cáo này được công bố vào ngày thứ Sáu (4/9). Ông chủ Nhà Trắng cũng dọa sẽ cắt đứt quan hệ thương mại với các quốc gia mà Mỹ đang có thâm hụt thương mại nếu Fed không hạ lãi suất. Hiện Mỹ đang có thâm hụt thương mại với hơn 90 quốc gia.
- **Trên thị trường hàng hóa:** Giá vàng thế giới giảm khá mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (4/9), khi báo cáo việc làm mạnh hơn dự báo của Mỹ. Lúc đóng cửa, giá vàng giao ngay tại thị trường New York giảm 43,1 USD/oz so với mức chốt của phiên ngày hôm trước, tương đương giảm gần 1%, còn 4.431,1 USD/oz - theo dữ liệu từ sàn giao dịch Kitco. Cả tuần, giá vàng giao ngay giảm gần 0,6%. Trên thị trường năng lượng tuần vừa qua, giá dầu Brent tăng gần 8% và giá dầu WTI tăng khoảng 10% do giao thông qua eo biển Hormuz tiếp tục nhỏ giọt khi Mỹ và Iran quay trở lại với hành động quân sự trong lúc tiến trình đàm phán hòa bình gián đoạn.
- **Đối với thị trường trong nước:** Thị trường giao dịch chỉ 2 phiên trong tuần vừa

qua sau kỳ nghỉ lễ kéo dài, chỉ số Vn-Index tăng sang tuần thứ 3 liên tiếp nhưng trong trạng thái "xanh vỏ đỏ lòng" trên nền thanh khoản thấp. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.853,08 điểm, tăng +20,6 điểm (+1,14%), nhờ đóng góp từ các cổ phiếu lớn như: VIC (+32,3 điểm), VHM (+3,7 điểm), STB (+0,7 điểm). Mức tăng ở tuần vừa qua tập trung ở nhóm cổ phiếu Bluechips, chỉ số VN30 +0,1%, trong khi đó Midcap và Smallcap ngược dòng với mức giảm lần lượt -1,16% và -0,92%.

Độ rộng thị trường: cho thấy chỉ số Vn-Index tăng trong trạng thái "xanh vỏ đỏ lòng" khi bình quân cứ 1 cổ phiếu tăng lại có 5 cổ phiếu giảm. Mức tăng tập trung ở các nhóm cổ phiếu như: Vingroup (+7%), Hóa chất (+4,7%), Bảo hiểm (+1,6%), ...trong khi ngược dòng thị trường là các nhóm: Bán lẻ (-2,9%), Viettel (-2,6%), Logistics (-2,1%), ...

Thanh khoản toàn thị trường bình quân đạt 18.243 tỷ đồng, giảm -9,6% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -10%, còn 15.178 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 8 giảm về mức thấp nhất kể từ đầu năm, giảm -3,5% so với tháng 7 và sụt -66% vsck, còn 18.682 tỷ đồng. Kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 25.920 tỷ đồng, giảm -10,3% so với mức bình quân năm 2025 và giảm -9,8% vsck.

Khối ngoại bán ròng -1.446 tỷ đồng trong tuần vừa qua, theo thống kê tháng 8 khối ngoại chỉ còn bán ròng còn -1.357 tỷ đồng. Đây vẫn là tín hiệu tích cực khi liên tiếp 7 tháng vừa qua, tháng nào khối ngoại cũng bán ròng, bình quân 2 tháng gần nhất (tháng 6 và 7) khối ngoại bán ròng -13.600 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -95.083 tỷ đồng (~3,64 tỷ USD). Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua. Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: VHM (+161 tỷ đồng), MCH (+100 tỷ đồng), FPT (+92 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với: VCB (-25 tỷ đồng), HPG (-219 tỷ đồng), DXG (-161 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: NAF (+14 tỷ đồng), PVD (+14 tỷ đồng), GAS (+9 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: HPG (-113 tỷ đồng), HDB (-107 tỷ đồng), VPB (-97 tỷ đồng).

Nội lực vĩ mô đối đầu "gió ngược" ngoại biên: Kịch bản nào cho VN-Index trung tuần tháng 9?

- Nhận định thị trường:** Dù thị trường tài chính toàn cầu đang trải qua những đợt rung lắc mạnh, kinh tế thực của Việt Nam 8 tháng đầu năm vẫn duy trì vị thế là một trong những "điểm sáng" tăng trưởng bền bỉ nhất khu vực. GDP nửa đầu năm đạt mức tăng trưởng kỷ lục 8,18%. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 8 dừng ở mức 53,3 điểm, đánh dấu tháng thứ 14 liên tiếp nằm trong vùng mở rộng. Đặc biệt, dòng vốn FDI đăng ký đạt 40,63 tỷ USD, ghi nhận mức tăng trưởng bùng nổ 55,4% so với cùng kỳ. Cùng với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu thiết lập đỉnh lịch sử 770,14 tỷ USD, nội lực kinh tế Việt Nam đang ở trạng thái sung mãn nhất. Sự tự tin của giới quan sát quốc tế được khẳng định rõ nét khi Standard Chartered đã có bước điều chỉnh rất mạnh khi nâng dự báo GDP năm 2026 của Việt Nam từ 7,2% lên 9,5%. UOB cũng tăng mức dự báo từ 7% lên 8,5% nhờ đã tăng trưởng vượt mong đợi của chu kỳ công nghệ và AI. Ở góc nhìn thận trọng hơn, IMF nâng dự báo lên 7,5%, trong khi ADB giữ nguyên ở mức 7,2%. – những con số đầy tham vọng phản ánh niềm tin vào xung lực nội địa. Bên cạnh đó, thị trường tài chính cũng chính thức đón nhận một "cú hích" mang tính lịch sử: FTSE Russell chính thức gọi tên 27 cổ phiếu Việt Nam lọt vào rổ FTSE All-Cap, chuẩn bị cho ngày nâng hạng chính thức 21/9.
- Tuy nhiên, VN-Index không thể "miễn dịch" hoàn toàn với thế giới nếu loại trừ ảnh hưởng từ nhóm Vingroup (phần còn lại giảm -15,3 điểm). Việc chỉ số giảm điểm sau kỳ nghỉ lễ 2/9 thực chất là một phản ứng "giảm bù" tất yếu. Trong khi thị trường trong nước đóng cửa, lợi suất trái phiếu toàn cầu tăng vọt và giá dầu Brent vượt ngưỡng 90 USD/thùng đã tạo ra áp lực định giá lại các tài sản rủi ro. Việt Nam, với độ mở kinh tế lớn, buộc phải trải qua quá trình chiết khấu này để tương thích với mặt bằng tâm lý chung của dòng vốn ngoại.
- Tuần giao dịch trung tuần tháng 9 mang tính quyết định khi các quyết định Fed và BOJ sẽ cùng cộng hưởng, tạo ra "tác động kép" lên dòng chảy thanh khoản toàn cầu:**
 - Kịch bản từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ - Fed (15-16/9): Với xác suất tăng lãi suất vọt lên mức gần 65%, Fed đang duy trì quan điểm "điều hòa" cứng rắn.
 - Hiệu ứng từ Ngân hàng Trung ương Nhật Bản - BOJ (18-19/9): Một cú sốc thanh khoản gián tiếp có thể xuất hiện nếu BOJ thắt chặt tiền tệ, kích hoạt làn sóng đảo ngược vị thế của chiến lược "Yen Carry Trade". Khi đồng Yên mạnh lên, các quỹ đầu tư toàn cầu có xu hướng rút vốn từ các thị trường rủi ro (Risk-off) để trả nợ bằng Yên, tạo áp lực rút ròng gián tiếp lên các thị trường mới nổi và cận biên như Việt Nam.

Việc FTSE chính thức nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi (Emerging Markets) vào ngày 21/9 là một dấu mốc lịch sử về vị thế quốc gia. Tuy nhiên, nhà đầu tư chuyên nghiệp cần phân biệt rõ giữa giá trị chiến lược dài hạn và các biến động kỹ thuật ngắn hạn mang tính "nghịch lý". Cơ chế "Bán một lần, mua nhiều đợt": Đợt nâng hạng này tạo ra một sự lệch pha dòng tiền. Theo quy tắc kỹ thuật, các quỹ ETF mô phỏng chỉ số Frontier Markets buộc phải tất toán và bán ròng toàn bộ danh mục cổ phiếu Việt Nam một lần trước ngày 21/9. Trong khi đó, các quỹ Emerging Markets chỉ giải ngân đợt đầu tiên với tỷ trọng khiêm tốn khoảng 10% (trong năm 2026), các đợt tiếp theo (3 đợt) sẽ diễn ra trong năm 2027.

Áp lực hấp thụ: Sự chênh lệch này tạo ra một lượng cung kỹ thuật (Net Selling) đè nặng lên thị trường trong ngắn hạn. Gánh nặng hấp thụ lượng hàng này hiện đang dồn lên vai dòng tiền nội.

Lịch sử tài chính ghi nhận tháng 9 thường là giai đoạn có hiệu suất kém tích cực trong 4 năm vừa qua. Đây không đơn thuần là sự trùng hợp thống kê mà là phản ánh của tâm lý hành vi và chu kỳ công bố thông tin.

Thị trường có thể đối mặt với những "cơn gió ngược" ngoại biên, nhưng nội lực vĩ mô chính là điểm tựa vững chắc nhất. Sự kiên nhẫn và tầm nhìn xuyên thấu qua các biến động kỹ thuật ngắn hạn sẽ là chìa khóa để nhà đầu tư gạt hái thành quả khi thị trường bước vào chu kỳ tăng trưởng cuối năm. Tích lũy trong giông bão là bước chuẩn bị cần thiết để đón đầu bầu trời quang đãng.

Về mặt kỹ thuật: Chỉ số Vn-Index đã vượt các ngưỡng trung bình quan trọng hay được quan sát (MA 50, MA100, MA200) qua đó củng cố xu hướng tăng khi đáy sau cao hơn đáy trước. Thử thách ngắn hạn sẽ là vùng cản kỹ thuật tập trung lượng hàng khá lớn ở khu vực 1.870 -1.880 điểm. Bên cạnh đó, trong 3 tuần tăng liên tiếp vừa qua, thanh khoản ở mức khá thấp, do vậy nếu thanh khoản không được cải thiện trong tuần tới, áp lực rung lắc hoặc điều chỉnh có khả năng xảy ra với xác suất cao. Vùng hỗ trợ: 1.800 -1.820 điểm.

Chiến lược hành động: Đang có sự lệch pha giữa chỉ số Vn-Index và cổ phiếu: trong khi chỉ số đi lên nhờ các trụ và nếu diễn biến này tiếp tục diễn ra, khả năng đột phá vùng cản kỹ thuật 1.880 điểm là khá cao. Tuy vậy, mặt bằng cổ phiếu không được hưởng lợi. Không nên mua đuổi và mở thêm vị thế mua mới khi Vn-Index tiến về vùng cản 1.870 – 1.880 điểm, có thể hạ bớt tỷ trọng cổ phiếu nếu Vn-Index dưới 1.840 điểm.

Lịch sự kiện tháng 9

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
31	1 - Cơ hội việc làm của JOLTS (T7) - PMI Sản xuất (T8)	2 Quốc khánh Việt Nam	3 Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (T8)	4 - Tỷ lệ thất nghiệp (T8) - Bảng lương phi nông nghiệp (T8)	5	6
7	8 Tăng trưởng GDP (Q2)	9	10 Quyết định lãi suất của ECB	11 Chỉ số giá tiêu dùng CPI (T8)	12	13
14	15	16 Doanh số bán lẻ (T8)	17 - Đáo hạn phái sinh - Quyết định lãi suất của Fed	18	19	20
21	22	23 Chỉ số PMI dịch vụ sơ bộ (T9)	24	25 Chỉ số tâm lí tiêu dùng của ĐH Michigan (T9)	26	27
28	29 Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của CB (T9)	30				

Bức Tranh Kinh Tế Việt Nam 8 Tháng Đầu Năm 2026: Đà Tăng Trưởng Giữ Vững

CÁC CHỈ SỐ TĂNG TRƯỞNG ẤN TƯỢNG

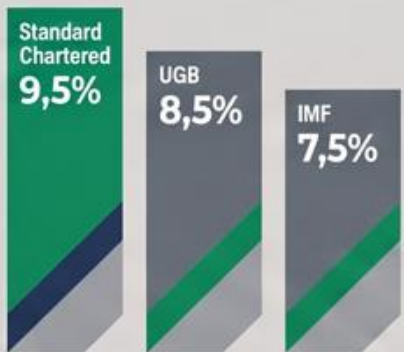
8,18%

GDP 6 tháng đầu năm ước tăng

Đây là mức tăng trưởng nửa đầu năm cao nhất được ghi nhận trong vòng 15 năm qua tại Việt Nam.



Các tổ chức quốc tế đồng loạt nâng dự báo tăng trưởng cả năm 2026



ĐẦU TƯ VÀ LẠM PHÁT

40,63 tỷ USD

Vốn FDI đăng ký bất phá đạt 40,63 tỷ USD

Tăng mạnh 55,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm vốn cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần.



Giải ngân đầu tư công đạt 477,2 nghìn tỷ đồng

Đạt 46,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế.

17,25 tỷ USD

Vốn FDI thực hiện đạt 17,25 tỷ USD

Số vốn giải ngân thực tế tăng 12% so với cùng kỳ, phản ánh tiến độ triển khai dự án tích cực.

4,45%

Lạm phát (CPI bình quân) tăng 4,45%

Kiểm soát ổn định với lạm phát cơ bản bình quân 8 tháng ở mức 4,24%.



11,9%

IIP 8 tháng tăng 11,9% so với cùng kỳ

Chỉ số sản xuất công nghiệp lũy kế duy trì đà hồi phục mạnh mẽ, vượt xa mức tăng 8,6% của cùng kỳ năm ngoái.



53,3 điểm

PMI tháng 8 đạt 53,3 điểm

Mức cao nhất trong 6 tháng qua và đã nằm trên ngưỡng 50 điểm trong suốt 14 tháng liên tiếp, cho thấy sản xuất tăng trưởng nhanh nhất trong hơn 2 năm.

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VÀ QUY MÔ XUẤT NHẬP KHẨU

770,14 tỷ USD

Tổng kim ngạch XNK đạt kỷ lục 770,14 tỷ USD

Tăng trưởng mạnh mẽ 28,7% so với cùng kỳ, xác lập cột mốc lịch sử mới xê quy mô thương mại.

0,12 tỷ USD

Áp lực nhập siêu giảm đáng kể trong tháng 8

Tháng 8 chỉ nhập siêu 0,12 tỷ USD nhờ kim ngạch xuất khẩu bất phá đạt 54,79 tỷ USD (tăng 26% so với cùng kỳ).



20,46 tỷ USD

Lũy kế 8 tháng thâm hụt thương mại 20,46 tỷ USD

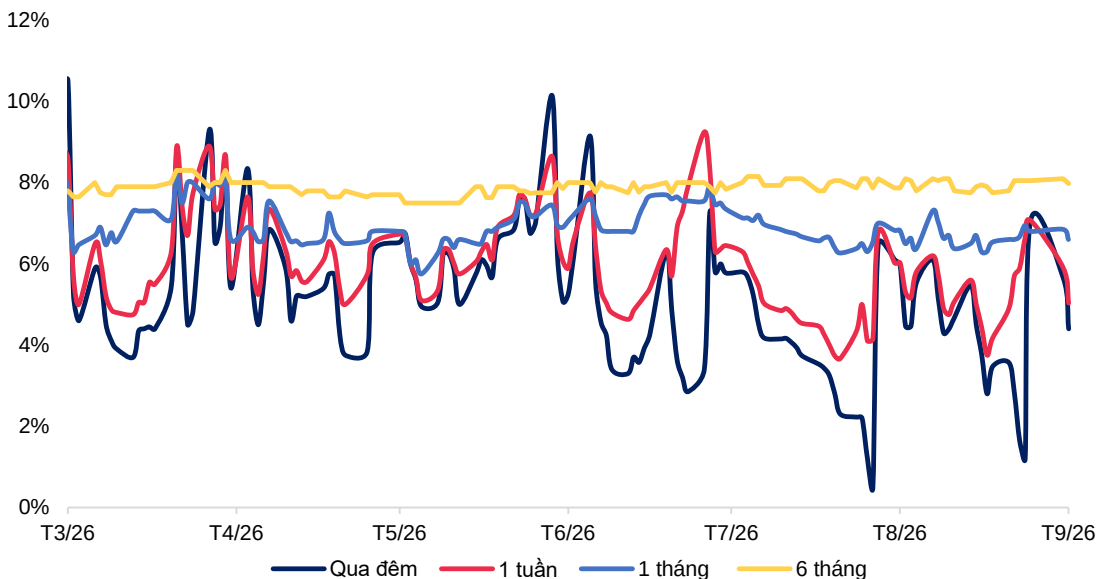
Tình trạng nhập siêu chủ yếu dẫn từ việc tăng cường nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất và xuất khẩu.

Chỉ tiêu XNK 8 tháng	Giá trị (Tỷ USD)	Tăng trưởng (%)
Tổng kim ngạch	770,14	+28,7%
Xuất khẩu	374,64	+22,4%
Nhập khẩu	395,30	+35,3%

Lãi suất

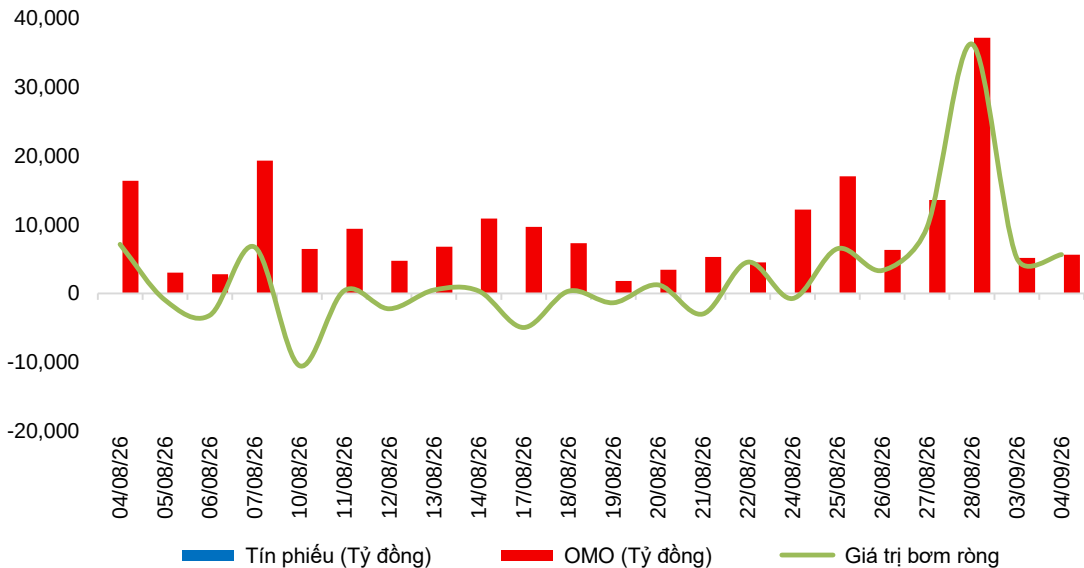
- Trong tuần 3/9 – 4/9, NHNN tiếp tục bơm ròng với quy mô 10.8 nghìn tỷ đồng. Cụ thể, có 10.8 nghìn tỷ đồng trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 – 35 ngày và lãi suất 4.5%, trong khi không ghi nhận khối lượng đáo hạn trong kỳ. Theo đó, lượng OMO lưu hành tăng lên mức 248 nghìn tỷ đồng - mức cao nhất kể từ giữa tháng 6.
- Tuần qua, mặt bằng lãi suất LNH đã hạ nhiệt rõ rệt sau khi tăng mạnh trước kỳ nghỉ lễ. Cụ thể, lãi suất LNH kỳ hạn qua đêm giảm 267 điểm cơ bản so với cuối tuần trước, về mức 4.4%. Các kỳ hạn 1 tuần và 1 tháng giảm 20 – 203 điểm cơ bản, hiện dao động trong khoảng 5.03% - 6.6%. Trong khi đó, kỳ hạn 6 tháng gần như đi ngang, duy trì quanh mức 8%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

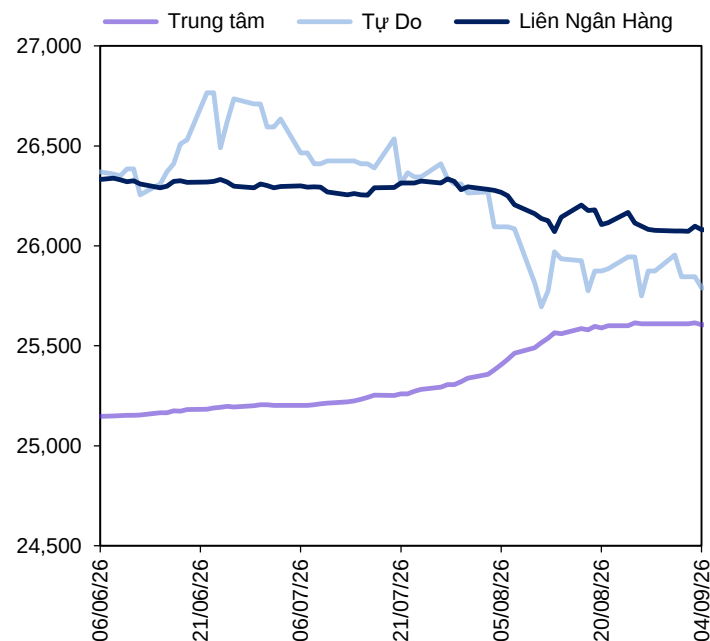


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

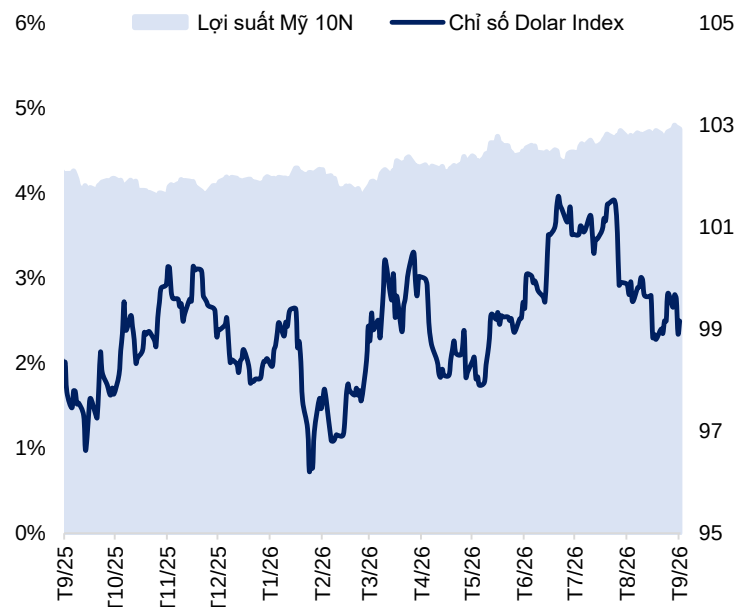
Chỉ số DXY tăng lên 99.16 trong phiên thứ Sáu, phục hồi từ mức thấp nhất trong hai tuần, khi dữ liệu việc làm Mỹ tích cực hơn kỳ vọng củng cố triển vọng thắt chặt chính sách tiền tệ. Cụ thể, số việc làm phi nông nghiệp T8 tăng 162 nghìn, sau khi T7 được điều chỉnh tăng 23 nghìn, vượt đáng kể mức dự báo 56 nghìn. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở 4.1%. Theo công cụ CME FedWatch, thị trường hiện định giá gần 60% khả năng Fed tăng lãi suất trong cuộc họp T9. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng tăng nhẹ 0.01% so với tuần trước, lên mức 26,081 VND/USD (-0.7% so với đầu năm). Trái lại, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh giảm 5 đồng, về mức 25,605 VND/USD (+1.9% so với đầu năm). Tỷ giá trên thị trường tự do cũng giảm 0.3%, hiện ở mức 25,790 VND/USD (-4.2% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



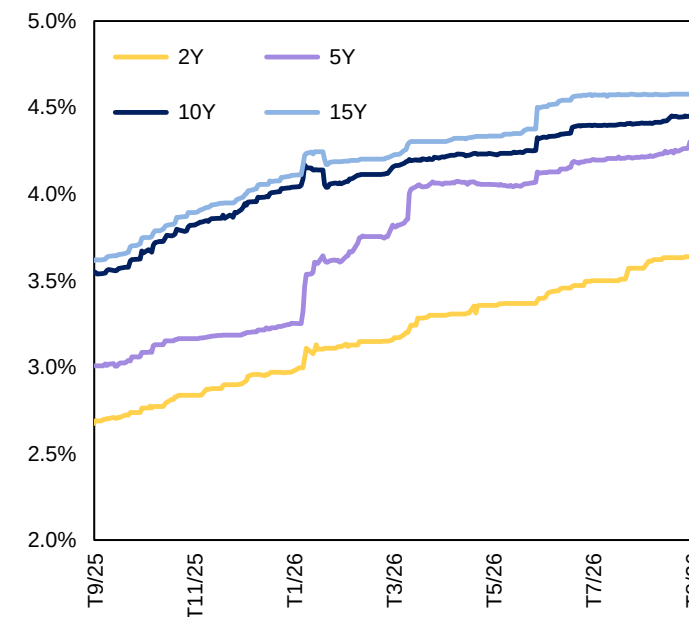
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

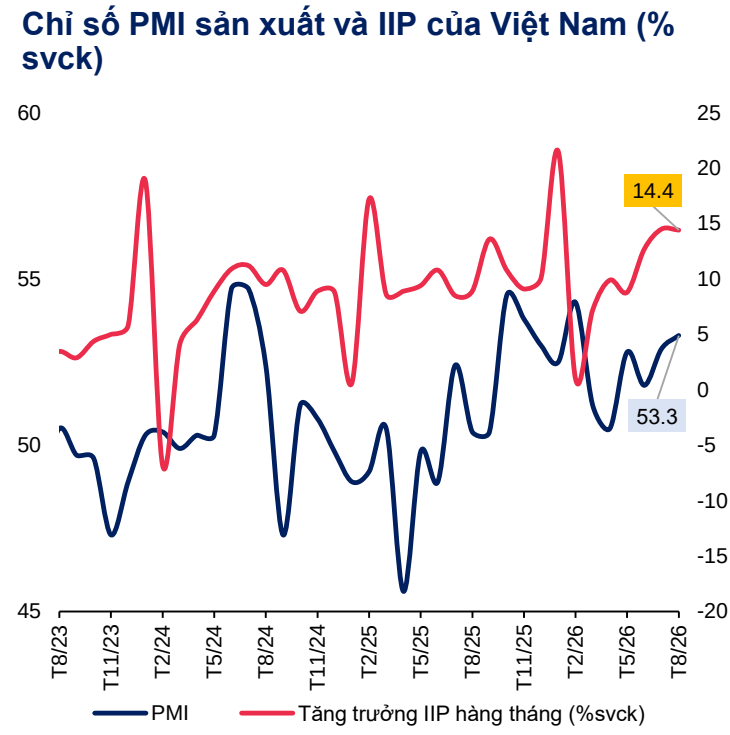
Lợi suất TPCP



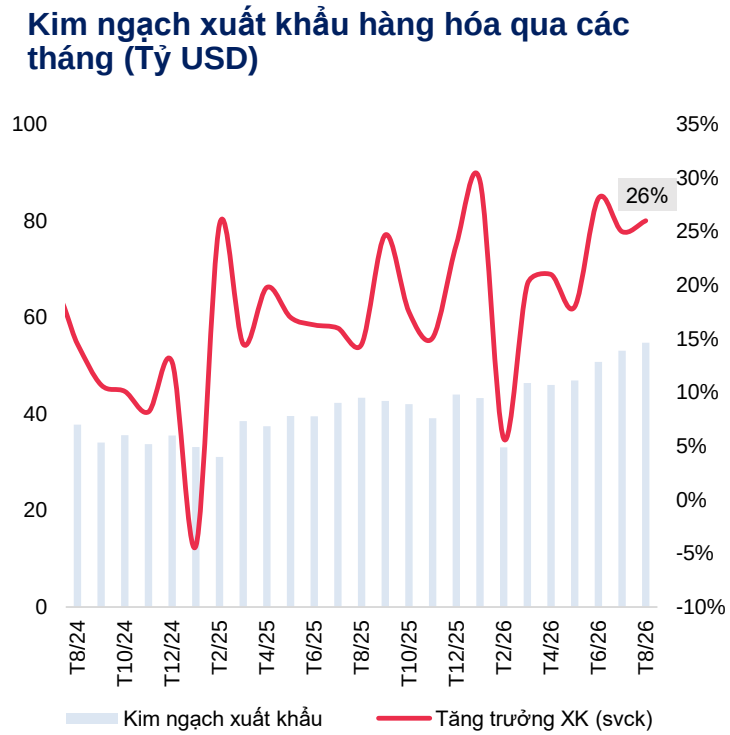
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

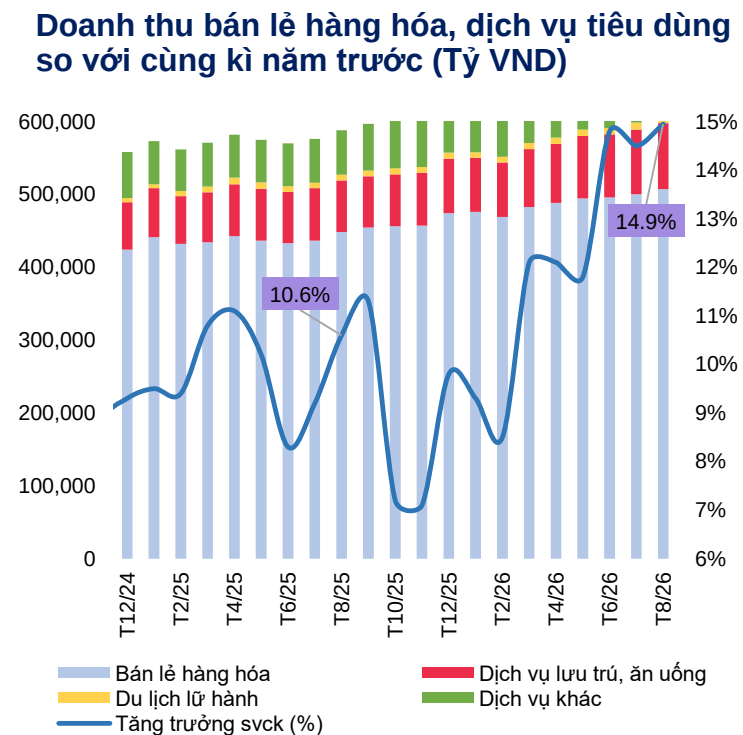
- Cán cân thương mại hàng hóa T8 thâm hụt 0.12 tỷ USD - đánh dấu tháng nhập siêu thứ 9 liên tiếp. Song, mức thâm hụt của T8 đã giảm mạnh 97% so với T7 nhờ kim ngạch nhập khẩu trong kỳ ghi nhận mức giảm theo tháng lần đầu tiên kể từ T2 khi giảm 3.1% so với T7, ước đạt 54.91 tỷ USD (+37.9% svck). Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 54.79 tỷ USD (+26% svck). Lũy kế 8T26, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 20.46 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T8/26 ước tính tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 14.4% svck. Chỉ số PMI ngành sản xuất tăng lên mức cao nhất trong 6 tháng khi đạt 53.3 trong T8. Đà phục hồi diễn ra khi áp lực giá cả giảm và nhu cầu khách hàng cải thiện đã giúp số lượng đơn hàng mới tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ T10/2025.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 14.9% svck trong T8, và lũy kế 8T26 tăng 13.3% svck (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7.6% svck).



Nguồn: Cục thống kê, MBS Research



Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

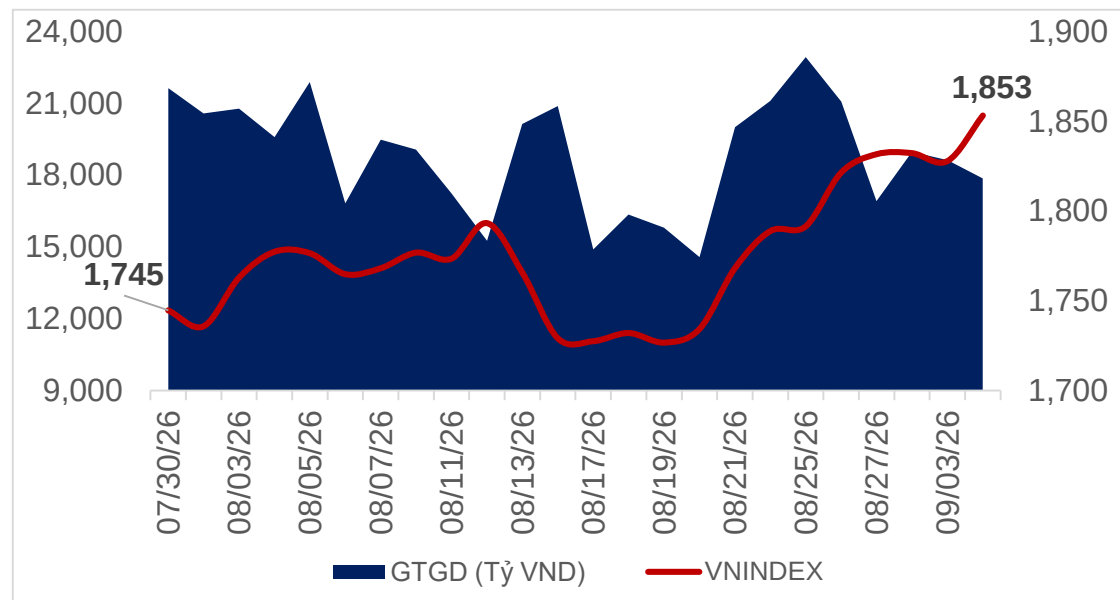


Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Chỉ số Vn-Index tăng sang tuần thứ 3 liên tiếp nhưng trong trạng thái “xanh vỏ đỏ lòng” trên nền thanh khoản thấp

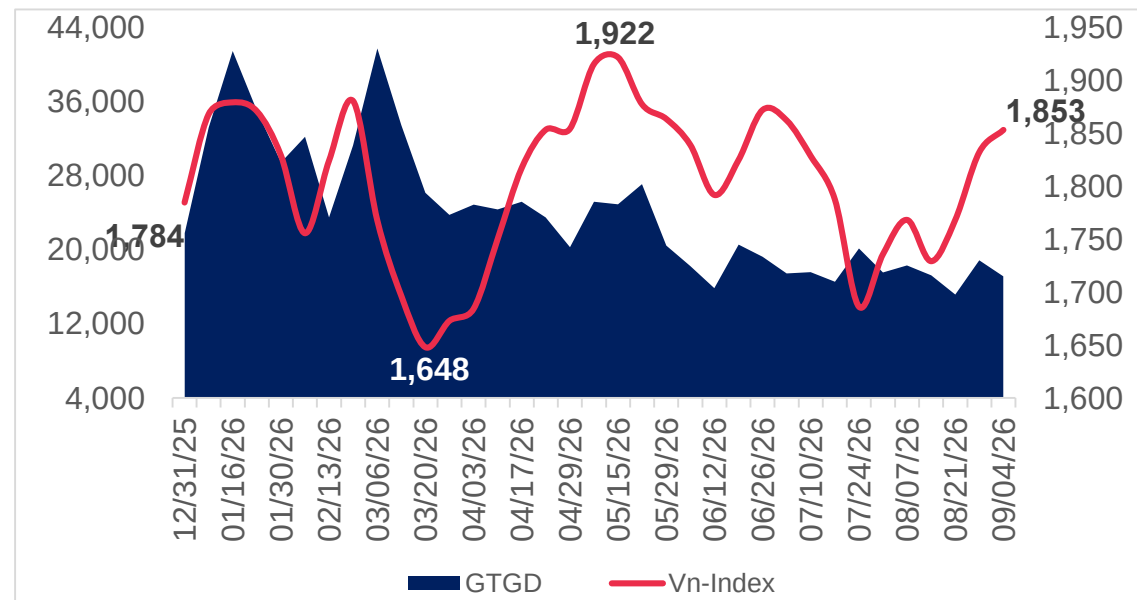
- Thị trường giao dịch chỉ 2 phiên trong tuần vừa qua sau kỳ nghỉ lễ kéo dài, chỉ số Vn-Index tăng sang tuần thứ 3 liên tiếp nhưng trong trạng thái “xanh vỏ đỏ lòng” trên nền thanh khoản thấp. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.853,08 điểm, tăng +20,6 điểm (+1,14%), nhờ đóng góp từ các cổ phiếu lớn như: VIC (+32,3 điểm), VHM (+3,7 điểm), STB (+0,7 điểm). Mức tăng ở tuần vừa qua tập trung ở nhóm cổ phiếu Bluechips, chỉ số VN30 +0,1%, trong khi đó Midcap và Smallcap ngược dòng với mức giảm lần lượt -1,16% và -0,92%.
- Độ rộng thị trường: cho thấy chỉ số Vn-Index tăng trong trạng thái “xanh vỏ đỏ lòng” khi bình quân cứ 1 cổ phiếu tăng lại có 5 cổ phiếu giảm. Mức tăng tập trung ở các nhóm cổ phiếu như: Vingroup (+7%), Hóa chất (+4,7%), Bảo hiểm (+1,6%), ...trong khi ngược dòng thị trường là các nhóm: Bán lẻ (-2,9%), Viettel (-2,6%), Logistis (-2,1%), ...
- Thanh khoản toàn thị trường bình quân đạt 18.243 tỷ đồng, giảm -9,6% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -10%, còn 15.178 tỷ đồng.

Diễn biến chỉ số Vn-Index và thanh khoản (1 tháng, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

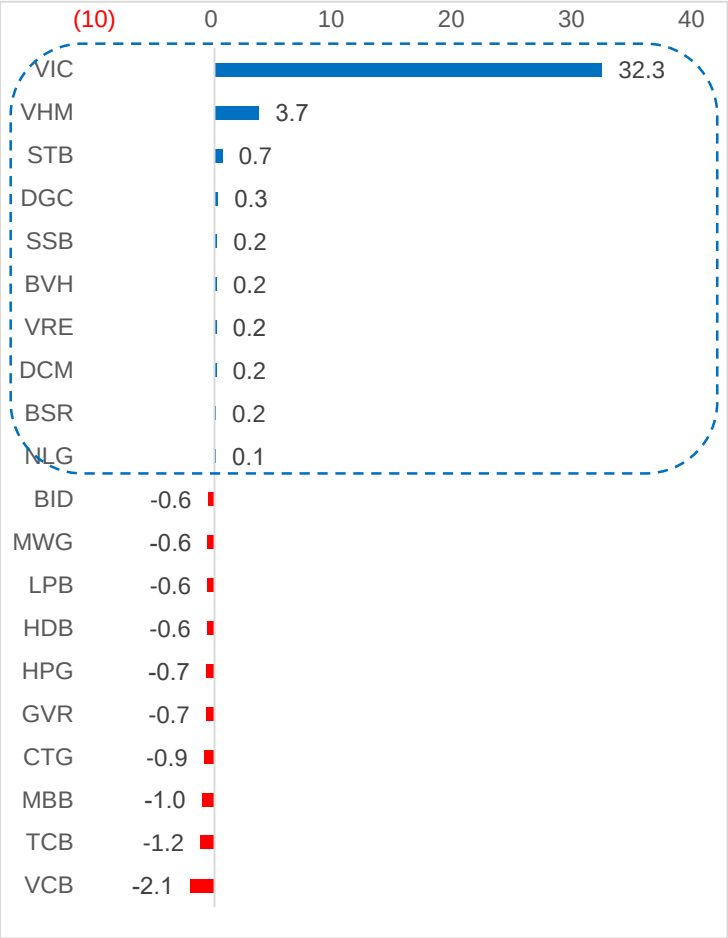
Diễn biến chỉ số Vn-index và thanh khoản (Theo tuần, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

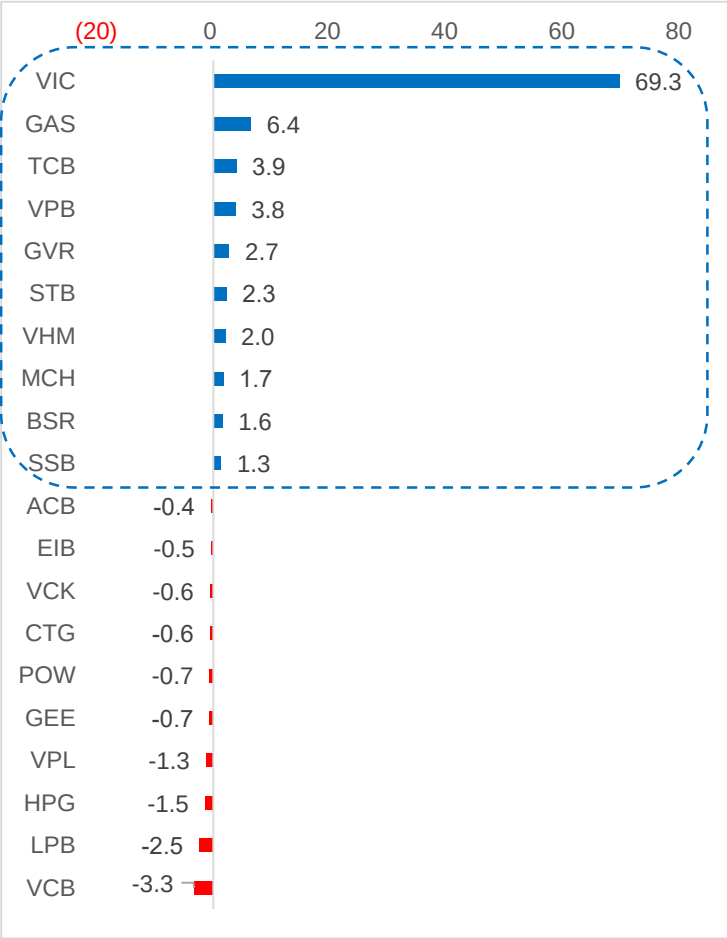
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +21 điểm của Vn-Index trong tuần vừa qua



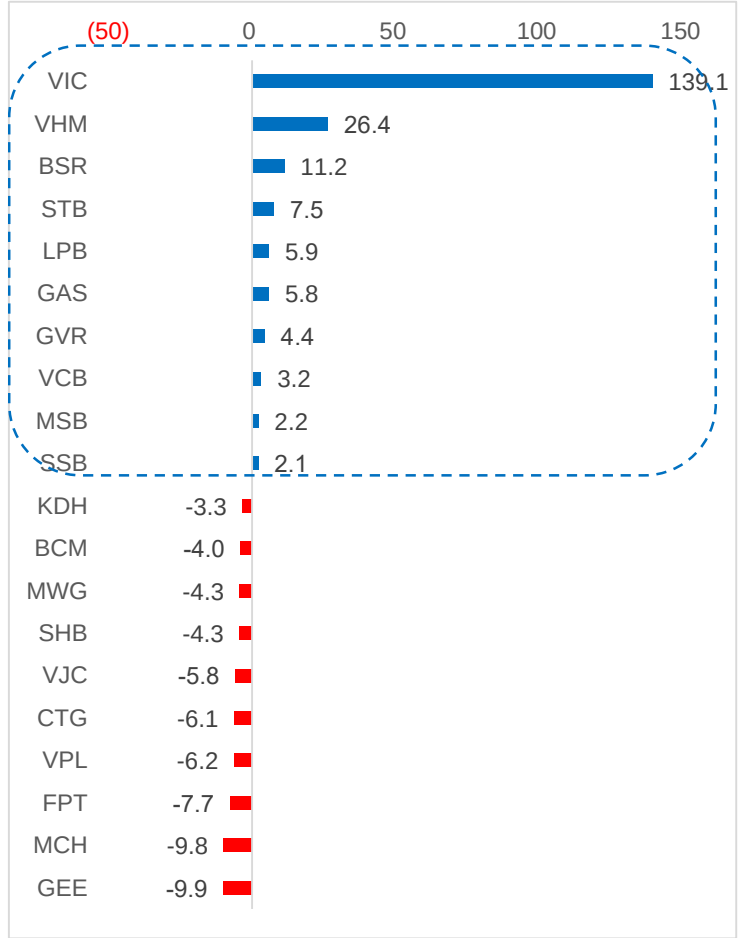
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +90 điểm của Vn-Index trong vòng 1 tháng vừa qua



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +68,6 điểm của Vn-Index kể từ đầu năm

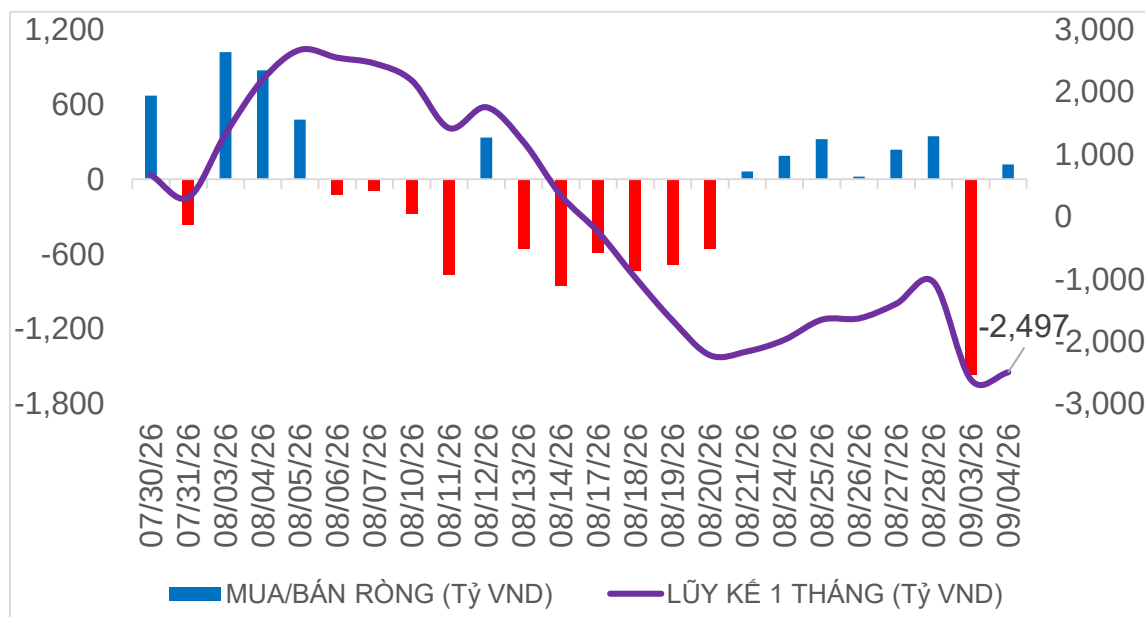


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Khối ngoại bán ròng -1.446 tỷ đồng trong tuần vừa qua, theo thống kê tháng 8 khối ngoại chỉ còn bán ròng còn -1.357 tỷ đồng

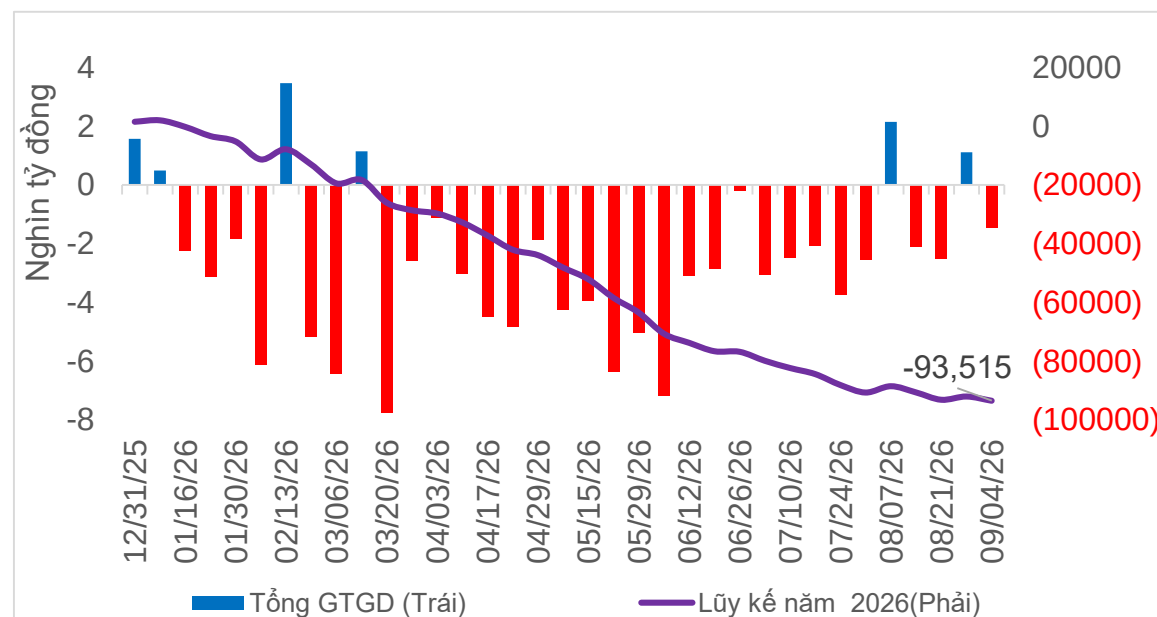
Khối ngoại bán ròng -1.446 tỷ đồng trong tuần vừa qua, theo thống kê tháng 8 khối ngoại chỉ còn bán ròng còn -1.357 tỷ đồng. Đây vẫn là tín hiệu tích cực khi liên tiếp 7 tháng vừa qua, tháng nào khối ngoại cũng bán ròng, bình quân 2 tháng gần nhất (tháng 6 và 7) khối ngoại bán ròng -13.600 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -95.083 tỷ đồng (~3,64 tỷ USD). Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua. Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: VHM (+161 tỷ đồng), MCH (+100 tỷ đồng), FPT (+92 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với: VCB (-25 tỷ đồng), HPG (-219 tỷ đồng), DXG (-161 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: NAF (+14 tỷ đồng), PVD (+14 tỷ đồng), GAS (+9 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: HPG (-113 tỷ đồng), HDB (-107 tỷ đồng), VPB (-97 tỷ đồng).

Giao dịch NĐTNN trong vòng 1 tháng (Theo ngày)



Nguồn: FinX, MBS Research

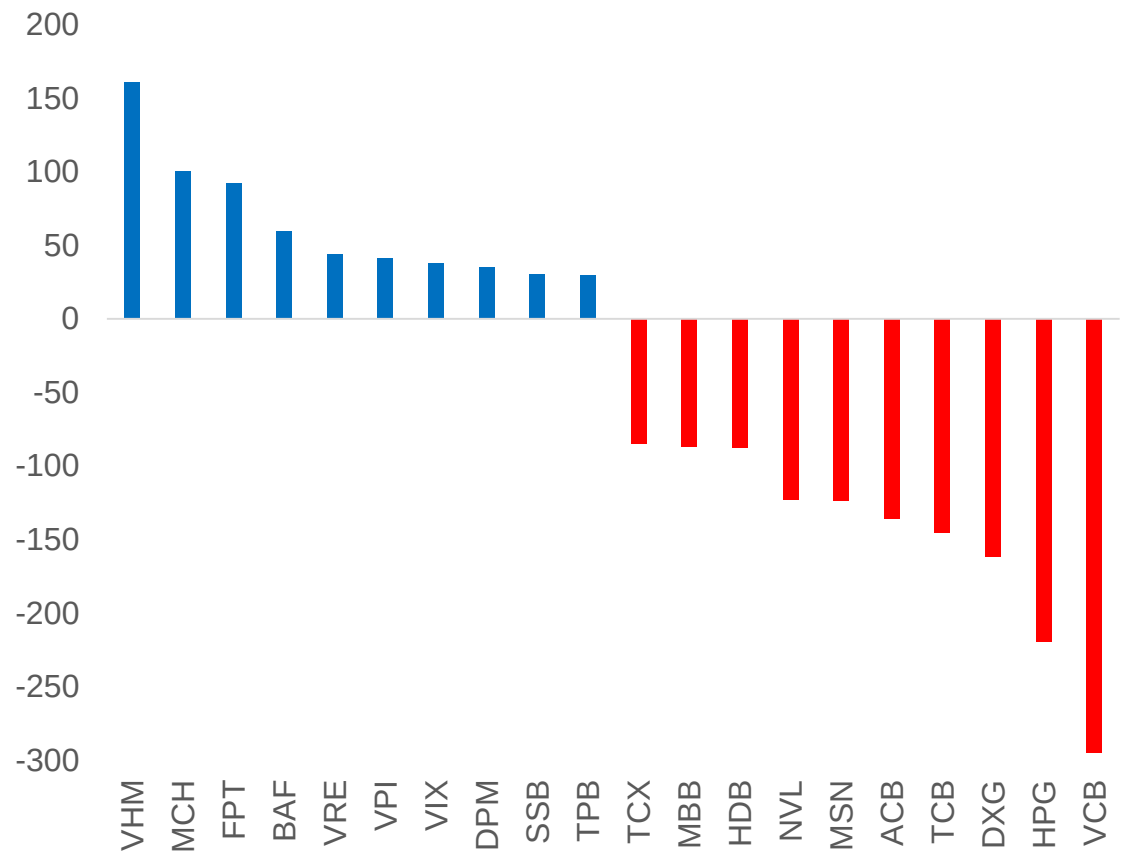
Giao dịch NĐTNN kể từ đầu năm (theo tuần)



Nguồn: FinX, MBS Research

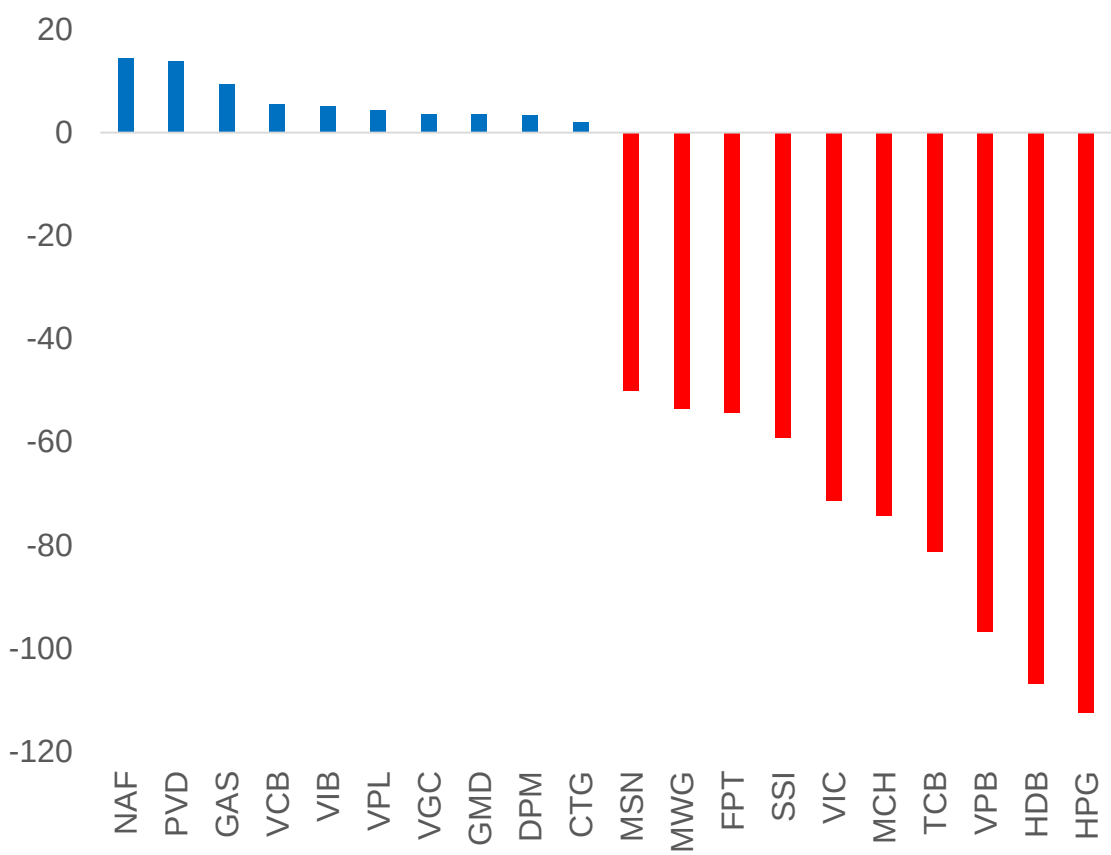
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Danh sách 27 cổ phiếu Việt Nam lọt vào FTSE All-Cap

STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1853.1	537,497	-4.1	1.2	5.1	3.8
1	VIC	256.1	6,264	4.7	8.5	20.2	51.0
2	STB	77.3	3,291	0.7	5.2	8.1	33.3
3	HCM	26.4	4,462	-3.5	-0.4	5.0	38.9
4	MSB	13.2	5,840	-4.2	0.4	-2.1	27.1
5	HDB	27.2	10,042	-9.3	-2.2	4.6	-8.4
6	VHM	75.2	7,550	-9.9	1.9	1.6	26.0
7	SSB	17.5	2,338	-11.6	9.1	12.2	20.5
8	VNM	61.9	3,986	-15.4	-1.0	2.7	4.4
9	VCK	30.2	2,023	-20.9	-0.8	-3.8	-3.7
10	HPG	21.7	19,827	-21.2	-2.3	-3.8	-7.9
11	MCH	142.0	359	-23.0	0.0	4.7	-20.2
12	TCX	40.4	1,913	-24.4	-1.0	-1.2	4.2
13	VCB	58.9	4,370	-24.7	-2.0	-3.1	3.2

Nguồn: MBS Research

STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
14	VJC	124.5	1,375	-26.4	-1.6	-1.7	-22.6
15	MSN	69.0	4,143	-26.6	-1.7	1.2	-10.4
16	VPB	27.8	16,697	-27.3	1.5	9.0	-1.2
17	VPL	77.5	579	-30.2	0.0	-4.3	-17.7
18	BID	36.5	3,660	-30.3	-1.2	2.0	1.4
19	FPT	72.8	5,396	-32.1	0.8	1.5	-23.0
20	NVL	13.1	13,414	-33.3	-0.8	-0.8	4.9
21	SSI	21.1	21,024	-33.3	-1.6	7.2	-13.0
22	SHB	12.1	49,132	-37.2	1.3	1.3	-25.3
23	VCI	22.3	9,352	-37.8	-1.3	2.5	-12.9
24	VND	16.4	9,775	-38.5	-2.4	-3.0	-13.5
25	VRE	26.5	5,654	-39.3	1.9	5.2	-18.5
26	GEX	26.0	10,416	-42.7	-0.8	11.1	-13.7
27	VIX	14.0	42,645	-57.0	-1.8	9.5	-22.7

Nguồn: MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

	08/21/26	08/28/26	08/21/26	08/14/26	08/07/26
Dầu khí	-18.7%	8.8%	6.7%	27.9%	25.2%
Ngân hàng	-11.4%	53.0%	-23.9%	-0.9%	3.4%
Chứng khoán	-32.8%	49.6%	-29.8%	19.9%	-16.2%
Bất động sản	-4.2%	29.6%	-14.9%	-9.4%	2.6%
Dệt may	-51.5%	48.5%	-6.4%	16.1%	-35.9%
Bán lẻ	1.7%	26.6%	-12.2%	-24.7%	-19.6%
Vingroup	12.4%	80.7%	-28.8%	-5.5%	18.5%
Xây dựng & VLXD	-9.6%	30.9%	-13.5%	-18.4%	-8.6%
Thực phẩm	1.6%	-12.3%	12.4%	-18.1%	-7.6%
Thủy sản	12.7%	-9.0%	-52.7%	72.2%	66.6%
Logistics	-13.7%	-12.8%	3.1%	27.6%	-2.5%
Dược phẩm	-38.2%	20.8%	17.4%	-56.2%	226.8%
Sản xuất & PP Điện	5.6%	70.2%	-33.4%	-12.7%	-12.4%
Đầu tư công	-22.6%	44.8%	-40.3%	27.4%	5.4%
Hóa chất	157.0%	20.9%	-14.8%	-12.5%	12.0%
Cao su tự nhiên	-29.0%	-21.3%	15.5%	47.5%	49.0%
Bảo hiểm	-22.7%	46.9%	-5.0%	-32.0%	61.1%
Ô tô và phụ tùng	-2.1%	21.7%	7.3%	-18.2%	28.8%
Dịch vụ	-18.0%	14.0%	-18.6%	-8.9%	38.6%
BDS KCN	-32.0%	40.3%	-37.4%	73.6%	9.1%
Viettel	-10.6%	-38.1%	6.8%	1.3%	66.2%
Du lịch	-73.9%	-23.8%	-25.2%	-20.5%	309.7%
Công nghệ	-41.6%	62.9%	-31.3%	-22.9%	41.1%
Đường	20.2%	-3.7%	56.7%	59.0%	-13.3%

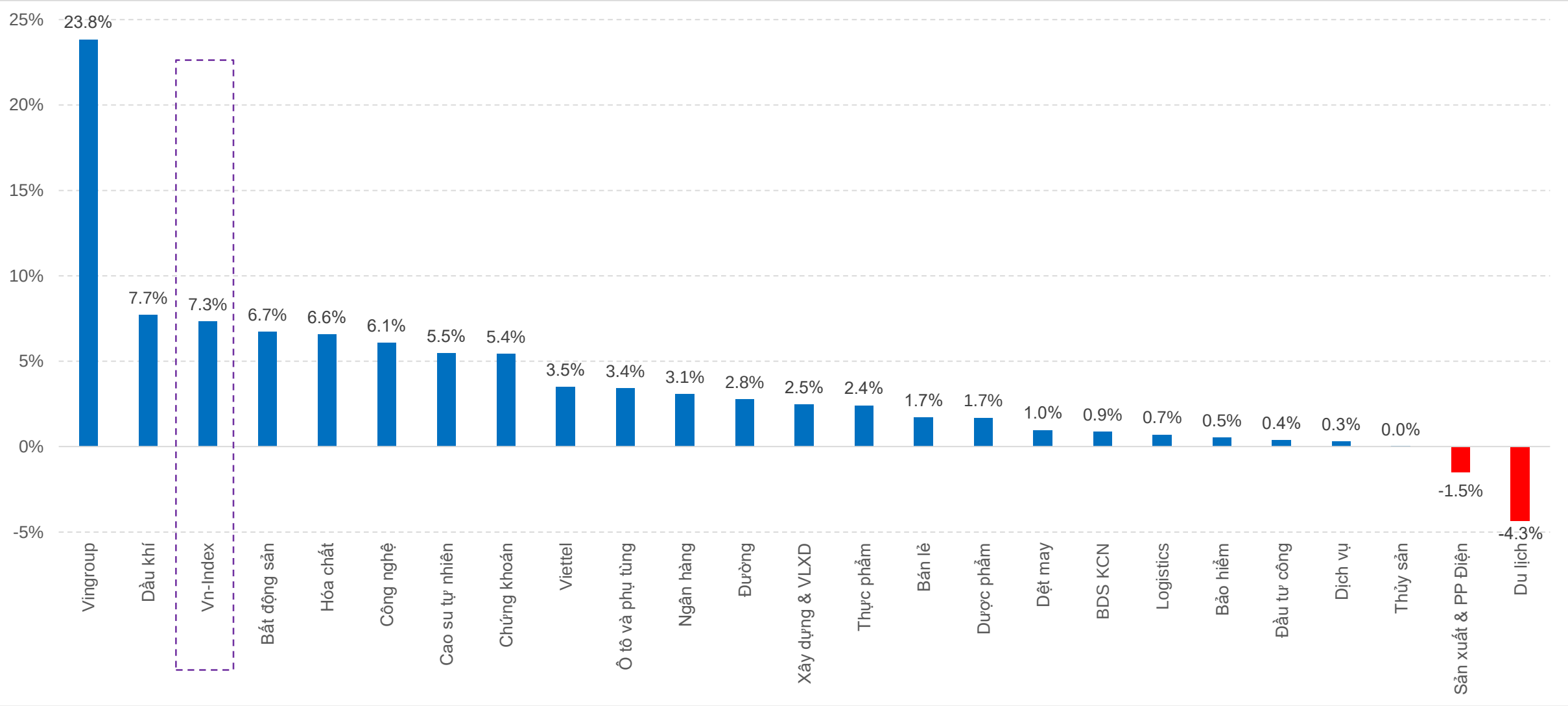
Nguồn: FinX, MBS Research

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	08/21/26	08/28/26	08/21/26	08/14/26	08/07/26
Dầu khí	5.8%	6.5%	8.3%	6.3%	4.9%
Ngân hàng	24.6%	25.4%	23.1%	24.4%	24.3%
Chứng khoán	11.8%	16.0%	14.9%	17.0%	14.0%
Bất động sản	7.8%	7.4%	8.0%	7.5%	8.2%
Dệt may	0.2%	0.3%	0.3%	0.2%	0.2%
Bán lẻ	5.0%	4.5%	5.0%	4.6%	6.0%
Vingroup	21.7%	17.7%	13.6%	15.3%	16.0%
Xây dựng & VLXD	4.1%	4.1%	4.4%	4.1%	4.9%
Thực phẩm	4.6%	4.1%	6.5%	4.7%	5.6%
Thủy sản	0.2%	0.2%	0.2%	0.4%	0.2%
Logistics	2.1%	2.2%	3.5%	2.7%	2.1%
Dược phẩm	0.2%	0.3%	0.4%	0.2%	0.5%
Sản xuất & PP Điện	1.4%	1.2%	1.0%	1.2%	1.4%
Đầu tư công	0.7%	0.8%	0.7%	1.0%	0.8%
Hóa chất	3.7%	1.3%	1.5%	1.4%	1.6%
Cao su tự nhiên	0.1%	0.2%	0.3%	0.2%	0.1%
Bảo hiểm	0.3%	0.3%	0.3%	0.2%	0.4%
Ô tô và phụ tùng	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%
Dịch vụ	1.3%	1.5%	1.8%	1.8%	2.0%
BDS KCN	1.1%	1.5%	1.5%	1.9%	1.1%
Viettel	0.5%	0.5%	1.1%	0.9%	0.8%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	2.2%	3.5%	3.0%	3.5%	4.4%
Đường	0.4%	0.3%	0.4%	0.2%	0.1%

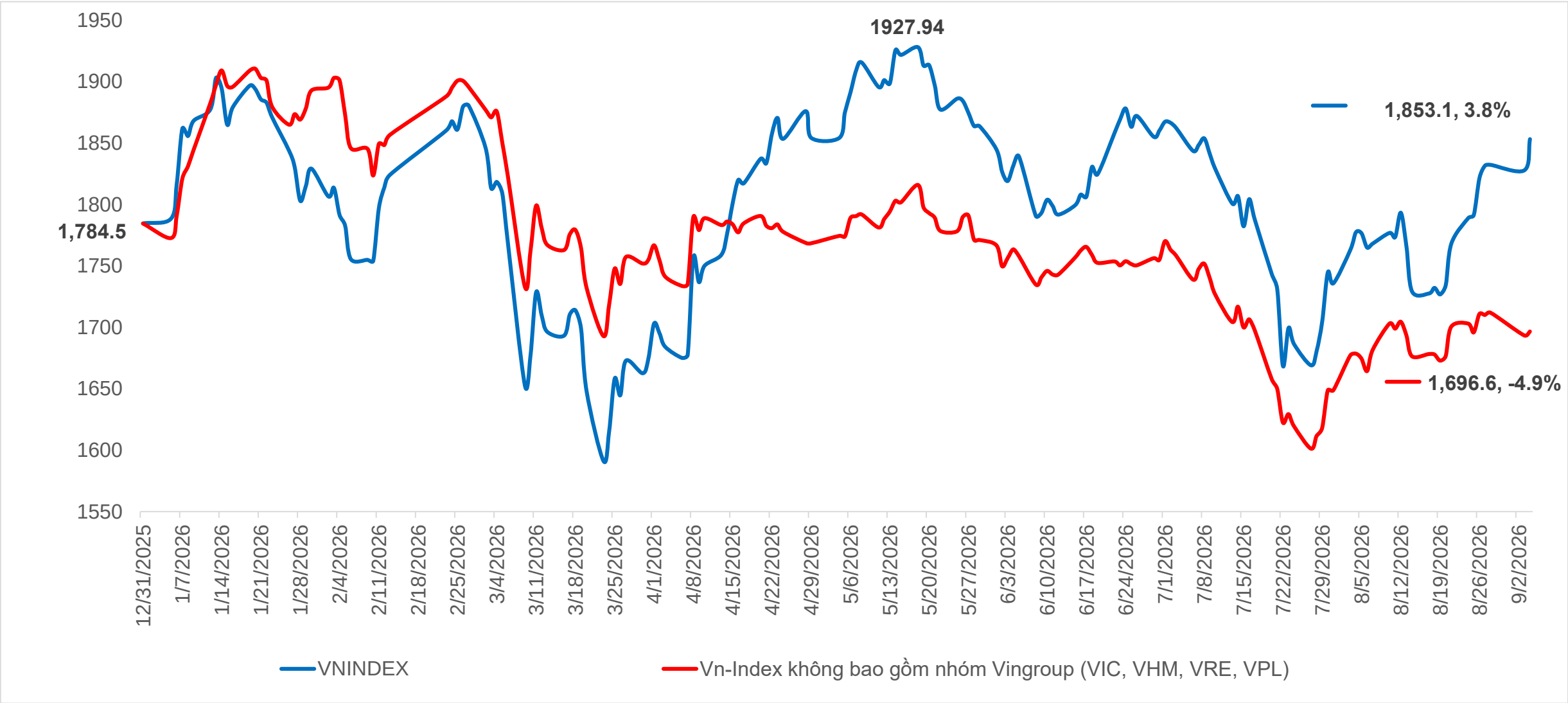
Nguồn: FinX, MBS Research

So với vùng đáy thứ 2 ở vùng 1.730 điểm, thị trường tăng trên diện rộng nhưng không nhiều nhóm cổ phiếu đánh bại được chỉ số Vn-Index



Nguồn: MBS Research

Đang có sự lệch pha giữa chỉ số Vn-Index và cổ phiếu: trong khi chỉ số đi lên nhờ các trụ nhưng mặt bằng cổ phiếu không được hưởng lợi



Hiệu suất nhóm cổ phiếu chứng khoán

STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	HCM	26.4	4,462	-3.5	-0.4	5.0	38.9
2	ABW	14.2	196	-4.7	-2.1	-0.7	19.3
3	ORS	13.7	3,720	-19.4	-1.4	-2.8	4.2
4	VCK	30.2	2,023	-20.9	-0.8	-3.8	-3.7
5	TCX	40.4	1,913	-24.4	-1.0	-1.2	4.2
6	VPX	25.3	956	-26.7	-2.7	-3.6	-15.1
7	TCI	9.7	26	-28.8	3.2	-1.6	-1.4
8	SSI	21.1	21,024	-33.3	-1.6	7.2	-13.0
9	CTS	23.1	1,717	-36.8	0.7	3.6	-10.9
10	VCI	22.3	9,352	-37.8	-1.3	2.5	-12.9
11	VND	16.4	9,775	-38.5	-2.4	-3.0	-13.5
12	MBS	17.7	4,128	-43.7	-0.6	1.2	-10.5
13	BSI	29.3	354	-44.7	1.4	3.9	-14.2
14	SHS	15.3	11,258	-49.0	-2.6	-1.9	-25.7
15	VIX	14.0	42,645	-57.0	-1.8	9.5	-22.7

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Ngân hàng

STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	STB	77.3	3,291	0.7	5.2	8.1	33.3
2	HDB	27.2	10,042	-9.3	-2.2	4.6	-8.4
3	SSB	17.5	2,338	-11.6	9.1	12.2	20.5
4	ACB	22.2	8,771	-12.7	-1.8	-1.6	7.3
5	MBB	20.6	11,797	-13.0	-2.4	2.8	1.4
6	LPB	49.0	3,026	-16.2	-0.8	-7.6	24.1
7	TCB	32.6	18,742	-20.8	-4.4	8.9	-4.6
8	OCB	10.6	2,802	-21.1	-3.2	2.4	1.7
9	VCB	58.9	4,370	-24.7	-2.0	-3.1	3.2
10	CTG	31.4	7,108	-26.7	-1.6	-1.3	-10.8
11	VPB	27.8	16,697	-27.3	1.5	9.0	-1.2
12	BID	36.5	3,660	-30.3	-1.2	2.0	1.4
13	TPB	14.7	7,118	-32.4	0.0	2.1	-14.0
14	BVB	11.9	657	-32.8	-0.4	-5.2	-9.9
15	VIB	15.1	4,999	-36.0	1.0	1.4	-10.6
16	SHB	12.1	49,132	-37.2	1.3	1.3	-25.3
17	EIB	17.1	4,617	-46.1	-1.7	-6.6	-20.0

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Bất động sản

STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	SJS	58.1	49	-31.5	9.4	23.2	-6.0
2	NVL	13.1	13,414	-33.3	-0.8	-0.8	4.9
3	TAL	24.6	213	-37.4	-1.0	3.2	-32.6
4	NLG	25.7	2,150	-39.3	5.3	18.4	-14.0
5	NTL	12.2	517	-42.5	-2.8	-12.9	-33.5
6	DXG	11.8	11,082	-45.2	-2.5	8.8	-21.5
7	AGG	10.9	263	-45.7	1.8	4.0	-15.7
8	HDG	17.5	1,208	-46.2	6.1	6.7	-28.2
9	TCH	12.2	6,087	-46.5	-2.6	10.3	-26.8
10	IJC	7.2	2,052	-48.1	-2.6	-2.8	-29.3
11	CII	14.3	9,497	-54.6	-3.7	2.2	-31.8
12	KDH	17.3	5,333	-54.6	-6.0	-3.9	-45.1
13	PDR	12.2	5,597	-55.2	-3.6	3.4	-35.1
14	DIG	11.1	7,010	-55.8	-3.1	4.7	-33.7
15	CEO	13.2	6,688	-58.0	-1.5	10.0	-34.4
16	HDC	11.7	1,017	-64.4	-4.9	-1.3	-40.8

Nguồn: MBS Research

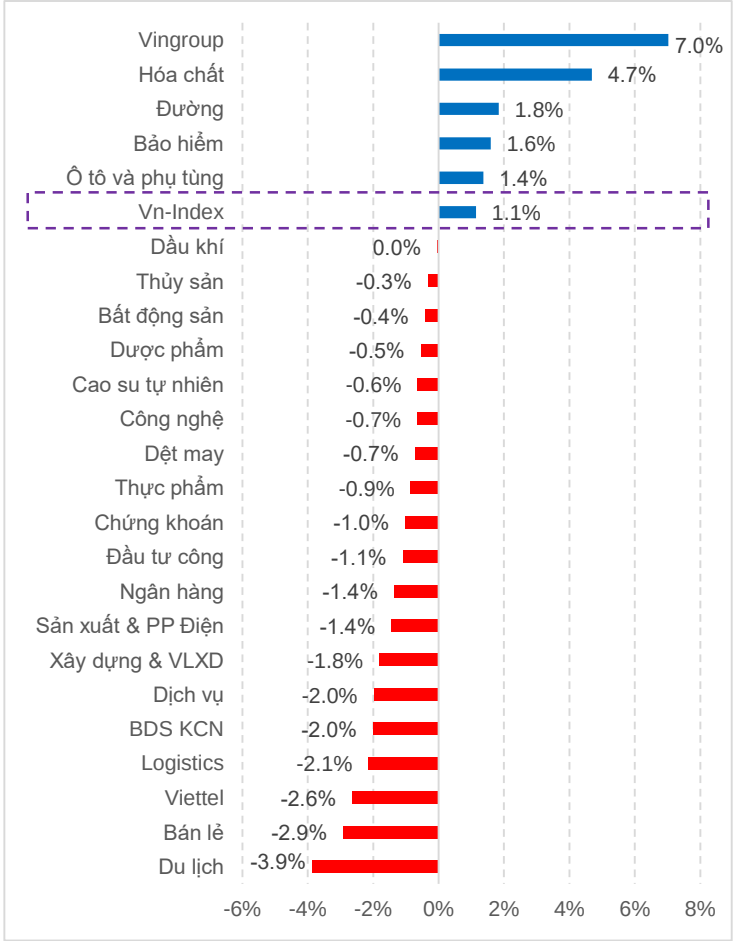
Hiệu suất nhóm cổ phiếu Dầu khí, Hóa Chất, Logistics

STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	PHP	46.5	258	-5.9	0.7	19.9	52.5
2	GMD	77.4	1,342	-11.0	-3.0	0.4	30.6
3	PVD	19.2	3,414	-29.6	0.0	6.1	13.1
4	PVS	38.7	2,817	-31.4	-1.0	12.2	12.8
5	HAH	47.2	747	-31.5	-1.9	2.5	-16.3
6	BSR	26.8	9,812	-31.7	0.9	6.1	68.0
7	DPM	22.8	2,947	-32.0	3.4	2.7	9.4
8	PVT	20.2	4,381	-32.1	0.0	8.6	20.6
9	BFC	47.6	162	-34.6	-0.3	-1.2	19.3
10	DCM	32.6	2,668	-34.9	5.0	4.8	5.3
11	GAS	84.0	1,733	-36.1	-0.4	18.0	16.0
12	CSV	22.0	283	-39.9	1.9	1.4	-19.4
13	LAS	12.1	175	-43.5	1.7	3.4	-22.9
14	OIL	13.7	1,383	-46.7	1.5	6.1	28.7
15	PLX	36.0	4,085	-47.0	-1.1	7.5	5.6
16	DGC	47.1	653	-53.9	9.0	19.5	-31.2
17	VSC	13.9	11,233	-64.0	-6.7	-2.1	-30.3

Nguồn: MBS Research

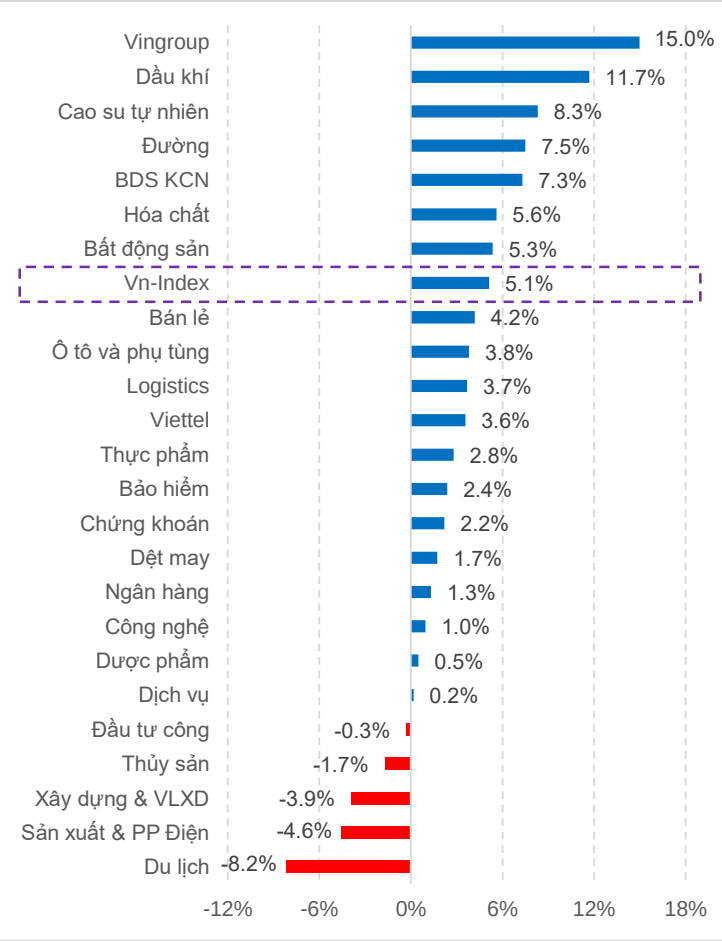
Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tuần)



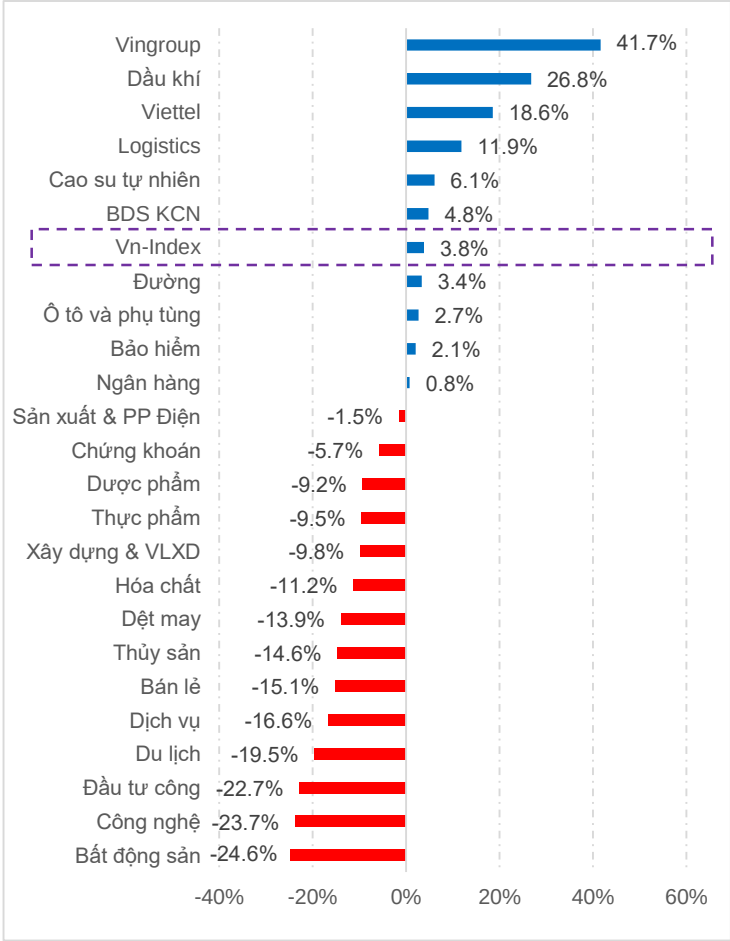
Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tháng)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (YTD)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

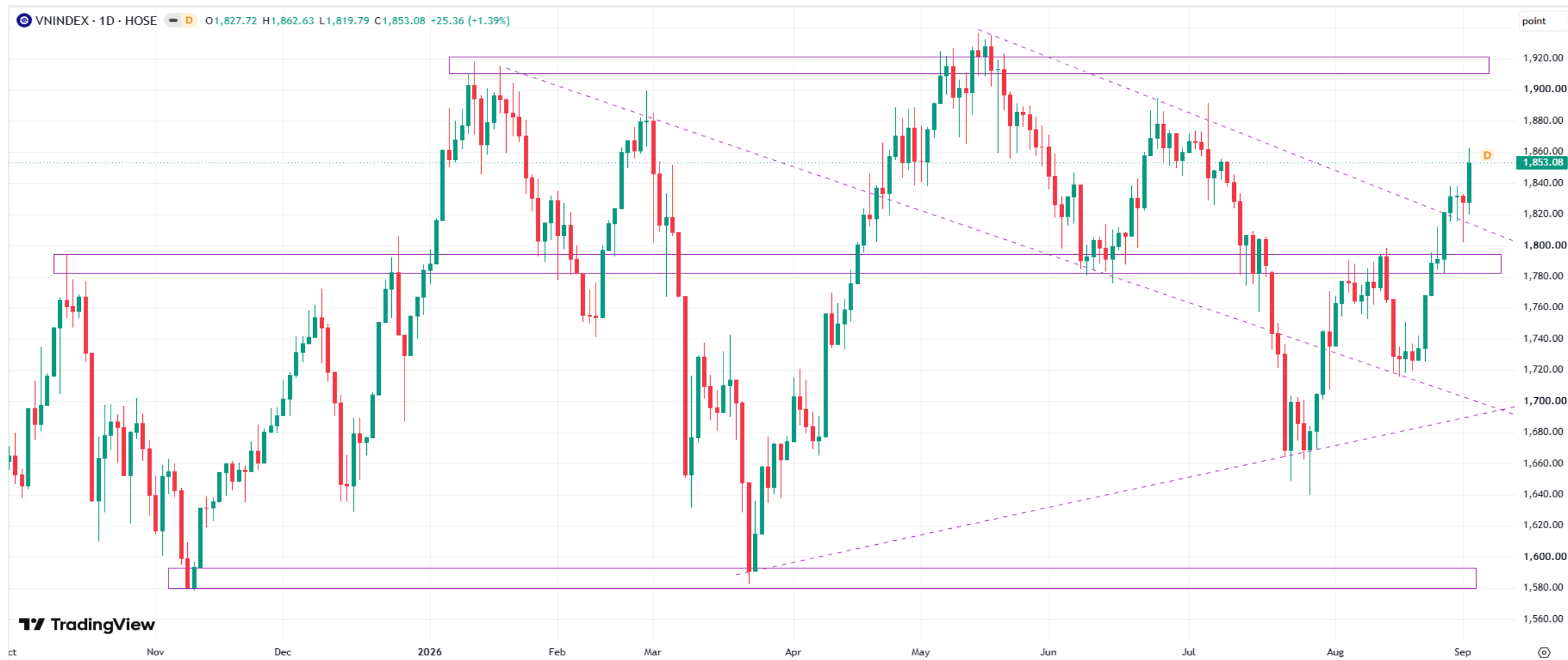
STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1853.08	1.17	5.1	3.8	
1	VIC	256.10	8.5	20.2	51.0	999
2	SHB	12.05	1.3	1.3	-25.3	614
3	VIX	14.00	-1.8	9.5	-22.7	558
4	TCB	32.60	-4.4	8.9	-4.6	484
5	HPG	21.70	-2.3	-3.8	-7.9	479
6	FPT	72.80	0.8	1.5	-23.0	470
7	VHM	75.20	1.9	1.6	26.0	419
8	SSI	21.05	-1.6	7.2	-13.0	405
9	VPB	27.80	1.5	9.0	-1.2	395
10	GEX	25.95	-0.8	11.1	-13.7	305
11	MWG	73.10	-3.7	0.8	-16.0	293
12	HDB	27.20	-2.2	4.6	-8.4	290
13	ACB	22.20	-1.8	-1.6	7.3	287
14	STB	77.30	5.2	8.1	33.3	281
15	MSN	69.00	-1.7	1.2	-10.4	280

Nguồn: MBS Research

STT	MCK	Giá đóng cửa (04/09)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	PNJ	40.05	-4.4	20.8	-37.4	273
17	MBB	20.55	-2.4	2.8	1.4	263
18	VCB	58.90	-2.0	-3.1	3.2	262
19	CTG	31.40	-1.6	-1.3	-10.8	253
20	VNM	61.90	-1.0	2.7	4.4	251
21	BSR	26.75	0.9	6.1	68.0	241
22	VND	16.35	-2.4	-3.0	-13.5	222
23	SHS	15.30	-2.6	-1.9	-25.7	207
24	VCI	22.30	-1.3	2.5	-12.9	199
25	NVL	13.05	-0.8	-0.8	4.9	178
26	LPB	49.00	-0.8	-7.6	24.1	166
27	VJC	124.50	-1.6	-1.7	-22.6	149
28	BID	36.50	-1.2	2.0	1.4	139
29	VRE	26.50	1.9	5.2	-18.5	138
30	TPB	14.70	0.0	2.1	-14.0	137

Nguồn: MBS Research

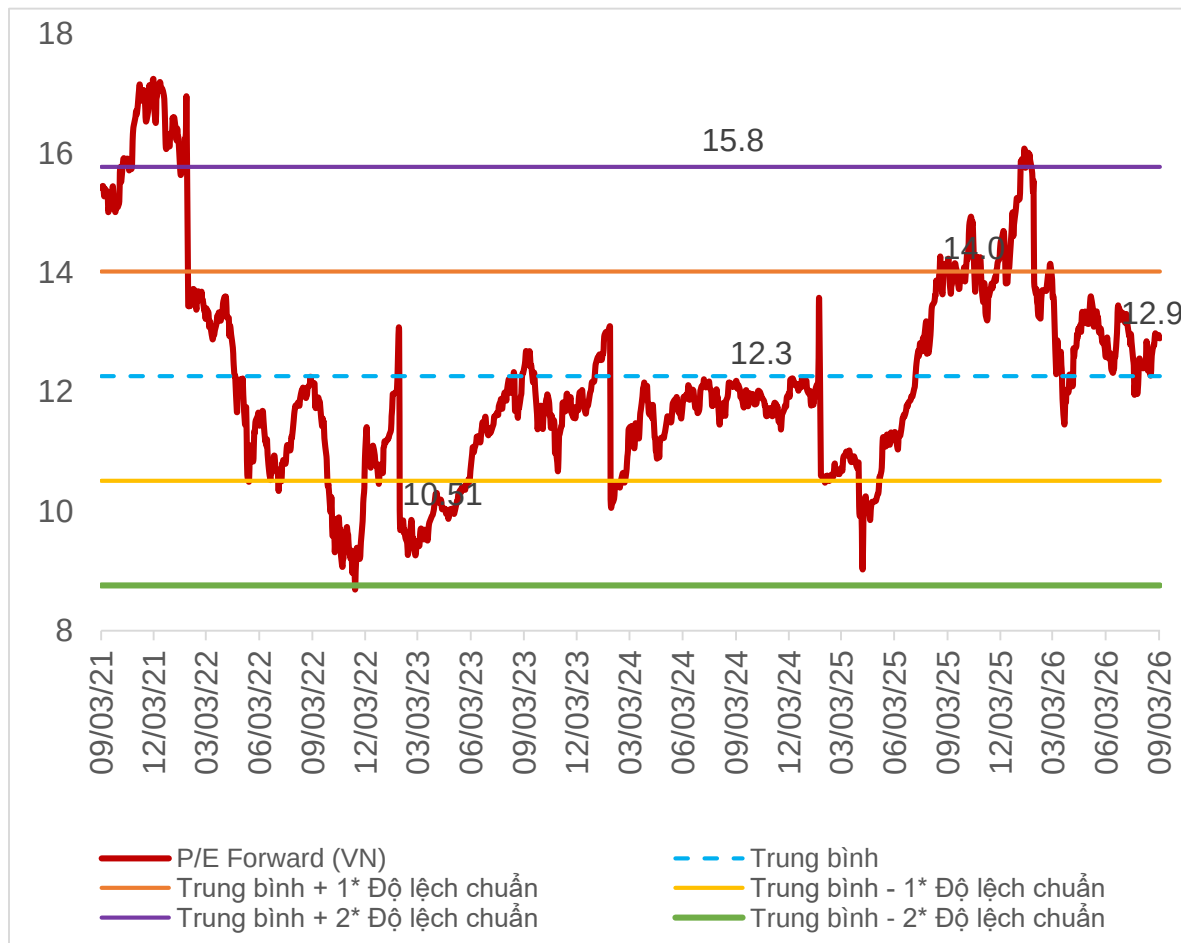
Chỉ số Vn-Index đã vượt các ngưỡng trung bình quan trọng hay được quan sát (MA 50, MA100, MA200) qua đó củng cố xu hướng tăng khi đáy sau cao hơn đáy trước. Thử thách ngắn hạn sẽ là vùng cản kỹ thuật tập trung lượng hàng khá lớn ở khu vực 1.870 -1.880 điểm.



Nguồn: Tradingvies, MBS Research

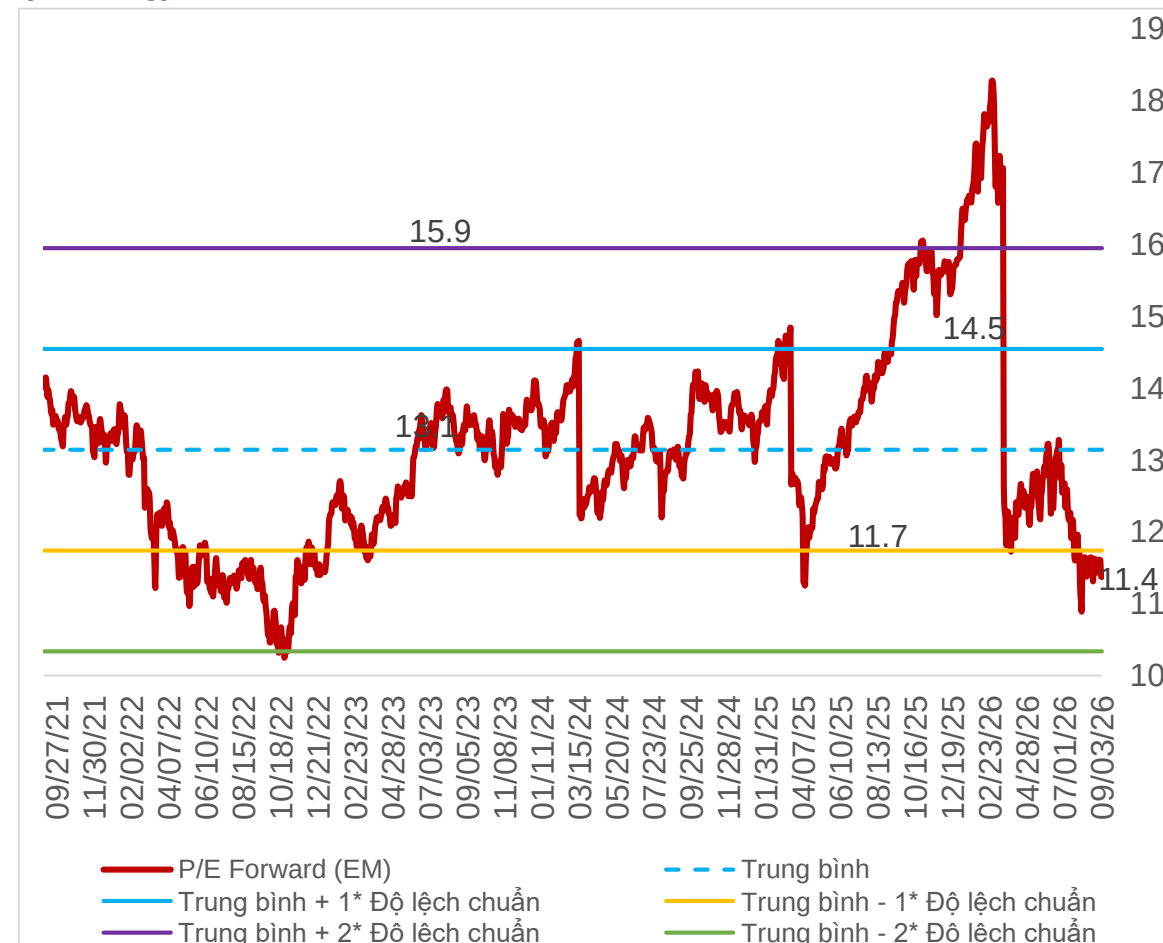
Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lịch sử tài chính ghi nhận tháng 9 thường là giai đoạn có hiệu suất kém tích cực trong 4 năm vừa qua. Đây không đơn thuần là sự trùng hợp thống kê mà là phản ánh của tâm lý hành vi và chu kỳ công bố thông tin

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	1.90	2.01	-.80	-.64	2.62	.57	1.74	3.89	-.63	-2.06	3.15	1.65
2026	2.50	2.80	-10.95	10.73	.51	-.19	-6.68	5.55	1.14			
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-1.22	-1.33	3.13	5.53
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 9 2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
1	VHM	85,000	15.5%	35.0%	10.7	2.2	Nhờ mở bán các đại dự án lớn như Green Paradise (2,870 ha), Global Gate Hạ Long (4,120 ha), Làng Vân (512 ha) và Mỹ Lâm (455 ha), năm 2026, chúng tôi dự phóng doanh số bán hàng tăng trưởng 47%, qua đó doanh thu và LN ròng lần lượt tăng trưởng 25% và 35% svck.VHM nằm trong danh mục 27 cổ phiếu chính thức được đưa vào rổ FTSE Global All-Cap. Dòng vốn ngoại sẽ đổ vào thị trường hỗ trợ cho đà tăng giá và thanh khoản của cổ phiếu.
2	VCB	74,500	24.0%	19.0%	11.1	1.8	LNTT Q2 đạt 17,420 tỷ đồng, tăng 57.9% svck; lũy kế 6T26 đạt 29,222 tỷ đồng, tăng 33.5% svck. Động lực chính đến từ NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi tăng đột biến và chi phí dự phòng giảm mạnh trong quý. Chất lượng tài sản duy trì tích cực với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 0.60% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 279%. Chúng tôi dự báo LNST của VCB năm 2026/2027 sẽ tăng trưởng 2 chữ số sau giai đoạn tăng trưởng chậm, được thúc đẩy bởi (i) TTTD khoảng 14% svck và (ii) NIM cải thiện trong năm 2026 nhờ lợi thế chi phí vốn và tỷ lệ CASA nằm trong top dẫn đầu ngành, cùng với việc mở rộng danh mục cho vay trung-dài hạn. Chúng tôi đưa mức định giá mục tiêu P/B cho VCB là 2.2x, phản ánh chất lượng tài sản vượt trội so với ngành cùng với kỳ vọng việc phát hành tăng vốn dự kiến được thực hiện vào năm 2026, và hưởng lợi từ việc tính thêm 20% TGKB vào tỷ lệ LDR hay giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
3	STB	86,300	15.7%	7.8%	22.1	2.1	LN ròng quý 2 đạt 1.346,69 tỷ đồng giảm 53,46% so với cùng kỳ. Lũy kế LN ròng 6 tháng đầu năm đạt 2.931,1 tỷ đồng giảm 49,38% so với cùng kỳ.Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ từ sau 2027 đến từ kiểm soát chi phí tốt hơn và áp lực trích lập dự phòng giảm dần. Kỳ vọng khoản nợ xấu tồn đọng lâu năm liên quan đến 32.5% cổ phần của ông Trầm Bê sẽ được xử lý trong năm 2026 và hoàn tất trong đầu 2027, qua đó có thể mang lại một khoản lợi nhuận đột biến lớn từ việc thu hồi nợ và hoàn nhập dự phòng.
4	TCB	47,950	43.3%	16.0%	8.1	1.2	LNTT trong Q2/26 đạt 9.670 tỷ đồng, +22.4% svck và +9.0% so với quý trước. Lũy kế 6T26, TCB ghi nhận 18,540 tỷ đồng, +22.5% svck và hoàn thành 49% KH cả năm 2026. Mảng cho vay chủ lực là BĐS hiện đang bị kiểm soát tín dụng khá chặt buộc TCB phải dịch chuyển cơ cấu sang cho vay đầu tư xây dựng hạ tầng dựa vào hệ sinh thái Vin, Masterise, One Mount... Điều này có thể gây áp lực lên NIM trong ngắn hạn nhưng bù lại sẽ đem về nguồn CASA ổn định và nợ xấu thấp. LNTT 2026 dự kiến sẽ đạt KH cả năm với NIM được dự báo sẽ đi ngang 2025 cùng TTTD khoảng 15%, không bao gồm các khoản cho vay 18 đại dự án. P/B hiện tại đạt 1.1x, thấp hơn so với toàn ngành, được đánh giá là hấp dẫn so với dư địa tăng trưởng và khả năng sinh lợi hàng đầu.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 9 2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
5	FPT	101,000	39.0%	17.0%	11.3	2.9	Mức P/E 2026-27 ~10.1x, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 5 năm (20.1x) trong khi duy trì tăng trưởng kép LN ròng 17%. Định giá hiện tại cơ bản đã phản ánh các rủi ro doanh nghiệp gặp phải.- Backlog tăng trưởng bền vững, đạt 32% svck với nhiều hợp đồng lớn, kỳ vọng sẽ dần được hấp thụ vào doanh thu. Mạng CNTT ghi nhận LN tăng mạnh nhờ xu hướng chuyển đổi số của Chính Phủ và các doanh nghiệp nội, trong khi triển vọng kinh doanh của các công ty liên kết như FOX, FRT vẫn duy trì tích cực.
6	GMD	104,600	32.0%	56.0%	11.8	2.0	LN ròng của GMD tăng trưởng bùng nổ trong Q2/2026 nhờ: (1) Gia tăng LN từ Gemalink khi sản lượng trong Q2 tăng khoảng 37% svck trong bối cảnh mùa cao điểm được đẩy sớm lên, (2) tăng 10% giá dịch vụ trung bình tại toàn hệ thống cảng và (3) ghi nhận thu nhập khác khoảng 700 tỷ từ thương vụ hoán đổi cổ phần với CJ Logistics. Ngoài ra, việc đưa vào khai thác Nam Đình Vũ Giai đoạn 3, kết hợp lộ trình đẩy nhanh tiến độ Gemalink Giai đoạn 2 & 3, sẽ tạo ra bước ngoặt về quy mô khai thác, tạo tiền đề cho GMD hấp thụ nhu cầu vận tải đang tăng cao. Biên LNG của GMD được kỳ vọng sẽ nới rộng nhờ việc tăng giá dịch vụ mới tại các cảng nước sâu và khả năng ấn định giá tại khu vực phía Bắc nhờ vị thế cửa sông; đồng thời kế hoạch thoái vốn tại Gemalink sẽ không chỉ mang lại dòng tiền đột biến mà còn đảm bảo nguồn hàng ổn định cho các giai đoạn mở rộng trong tương lai.
7	PVD	24,500	25.0%	16.7%	16.0	1.0	Báo cáo tài chính Q2/2026 của PVD phản ánh giai đoạn mở rộng quy mô tài sản mạnh mẽ nhưng chấp nhận đánh đổi biên lợi nhuận ngắn hạn. Mặc dù doanh thu thuần 6 tháng tăng vọt 62.9% svck lên 6,437 tỷ đồng nhờ hiệu suất vận hành giàn khoan tối đa và sự bổ sung từ giàn PV DRILLING IX, lợi nhuận ròng Q2/2026 bị thu hẹp đáng kể (-32.1% svck) về mức 163 tỷ đồng do áp lực chi phí lãi vay tăng gấp 2.4 lần và lỗ tỷ giá phát sinh. Tuy nhiên, nhìn trên tổng thể 6 tháng đầu năm, LNST của PVD vẫn tăng trưởng tích cực 21.8%. Chúng tôi dự phóng lợi nhuận ròng giai đoạn 2026-2027F của PVD đạt 1,211/1,260 tỷ đồng (+16.7/4.1% svck) đến từ sự đóng góp khả quan của 2 giàn khoan mới PVD VIII & IX trong bối cảnh giá cho thuê giàn khoan vẫn tiếp đà tăng.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 9 2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
8	VRE	38,900	52.0%	-1.8%	9.4	1.1	Lợi nhuận sau thuế Q2/2026 đạt 1,608.5 tỷ đồng (+30.4% svck), lũy kế 6 tháng đạt 3,214.8 tỷ đồng (+33.4% svck). Tăng trưởng lợi nhuận vượt tăng trưởng doanh thu chủ yếu nhờ: (i) biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 58.6% (1H2026) từ 55.8% (1H2025) nhờ tỷ lệ lấp đầy và giá thuê cải thiện; (ii) lãi tài chính tăng mạnh +58.8% svck nhờ lãi suất tiền gửi cao hơn từ cuối 2025; và (iii) khoản lãi bất thường 184.8 tỷ đồng từ thanh lý một BĐS đầu tư không cốt lõi trong Q1/2026. Chúng tôi ước tính lợi nhuận VRE năm 2026-2027 đạt lần lượt là 6,329 và 7,043 tỷ đồng (-1.8%/+11.3% svck). Nếu loại bỏ khoản thu nhập 1,891 tỷ từ chuyển nhượng Vincom Center Nguyễn Chí Thanh trong 2025 thì lợi nhuận dự phóng năm 2026 của VRE ghi nhận mức tăng trưởng 38.9% svck. Ngoài ra, việc lọt vào rổ chỉ số FTSE cũng sẽ là 1 động lực tăng trưởng khá tốt đối với VRE. VRE đang có mức P/E 7.9, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3 năm ~14.x, đây là mức giá chiết khấu khá hấp dẫn để có thể nắm giữ VRE trong giai đoạn này.
9	VGI	107,000	22.4%	20.0%	21.9	6.6	Chuyển sang giai đoạn thu dòng tiền và mở rộng, hoạt động kinh doanh thuần cải thiện đáng kể với LN gộp ước tính tăng bền vững ~21% svck trong 2026. Định giá EV/EBITDA đạt ~13.2x, mức -1 độ lệch chuẩn 3 năm cho thấy dư địa tăng giá còn lớn. Chúng tôi cho rằng ở thời điểm hiện tại, nhà đầu tư khá quan tâm đến chủ điểm thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt khi VGI có tài sản chất lượng, sức khỏe tài chính tốt và câu chuyện tăng trưởng LN rõ ràng.
10	VSC	24,500	63.0%	9.0%	10.2	0.9	7T2026, tổng sản lượng container qua hệ thống cảng của VSC cải thiện 9.8% svck, trong đó nổi bật nhất là cảng Nam Hải Đình Vũ khi sản lượng thông qua cảng tăng 53.3% svck, hiệu suất cải thiện 19.4đ% svck, nhờ hoạt động thương mại trong khu vực tăng trưởng tích cực, kết hợp với việc tiếp nhận lượng hàng dịch chuyển từ cảng Hải An và các tuyến dịch vụ mới của đội tàu HAH. LN ròng 2026-27 dự kiến tăng trưởng lần lượt tăng 8.5%/26.2% svck, thúc đẩy bởi (1) xu hướng “Trung Quốc +1” và tiếp đón lượng hàng dịch chuyển từ cảng Hải An và đội tàu của HAH giúp cải thiện hiệu suất khai thác, (2) HaiAn Green Shipping Line gia tăng quy mô đội tàu từ 2H2026 và 2027, thúc đẩy doanh thu vận tải tăng trưởng mạnh mẽ, và (3) Chi phí SG&A cải thiện sau khi hoàn thiện nâng cấp luồng hàng hải trong 1H2026. Chúng tôi đánh giá những khó khăn liên quan đến áp lực chi phí tài chính và chi phí SG&A tăng cao đã được phản ánh vào nhịp điều chỉnh hơn 50% từ vùng đỉnh gần nhất, với tiềm năng tăng trưởng LN lạc quan trong giai đoạn 2026-27, đây là thời điểm phù hợp để tích lũy cổ phiếu VSC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng